

BỘ QUỐC PHÒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ SỐ 8
KHOA KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH



TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NGHỀ
SỐ 8 - BQP

CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP
Đề Tài : KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Giảng viên hướng dẫn: Nguyễn Tiến Sỹ
Sinh viên thực hiện: Trần Thị Yến
Mã Số SV: Lớp: CĐLTK09A

ĐỒNG NAI ,THÁNG 4/2004

LỜI CẢM ƠN



Trong quá trình tìm hiểu về lý luận và thực tế để hoàn thành đề tài này, em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ nhiệt tình của tất cả các thầy giáo, cô giáo, các cô chú phòng kế toán cũng như các phòng ban khác trong doanh nghiệp.

Đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo: **Nguyễn Tiến Sỹ** người đã nhắc nhở chỉ bảo tận tình cho em cùng với những nỗ lực không ngừng của bản thân giúp em có thể hoàn thành tốt đề tài này. Nhưng do bước đầu làm quen với công tác thực tế và do khả năng chuyên môn của mình vẫn còn đang hạn chế. Hơn nữa chuyên đề lại mang tính chuyên sâu nên chuyên đề của em chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong được tiếp thu những ý kiến chỉ bảo của thầy giáo cô giáo cũng như các cô chú trong doanh nghiệp để em có điều kiện bổ xung, nâng cao kiến thức phục vụ tốt hơn cho công tác sau này.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy, các cô các chú trong công ty đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề này.

LỜI NÓI ĐẦU



Trong công tác quản lý kinh tế của các doanh nghiệp thì chi phí cho sản xuất và tính giá thành sản phẩm là những công tác quan trọng luôn được các doanh nghiệp quan tâm vì chúng gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế của thị trường, mỗi sản phẩm làm ra ngoài giá trị thẩm mỹ, giá trị sử dụng đòi hỏi phải có giá thành hợp lý thì mới đảm bảo sự chấp nhận của thị trường. Do vậy ở các doanh nghiệp sản xuất, giá thành và việc hạch toán giá thành luôn là mối quan tâm hàng đầu. Nó thành chỉ tiêu kinh tế có ý nghĩa quan trọng quản lý hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Có thể nói giá thành sản phẩm là tấm gương phản chiếu toàn bộ các biện pháp kinh tế, tổ chức quản lý, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, đứng trước sự cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp không chỉ tăng cường đổi mới công nghệ, nâng cao năng xuất lao động mà còn phải quan tâm tới công tác quản lý chi phí sản xuất. Để thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển và bù đắp được toàn bộ chi phí sản xuất và sản xuất có lãi, các doanh nghiệp phải có các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm. Điều này không chỉ có ý nghĩa đối với từng doanh nghiệp mà còn mang lại hiệu quả lớn đối với nền kinh tế. Và để thực hiện được điều này các nhà quản lý phải thường xuyên nắm bắt một lượng thông tin trong nội bộ doanh nghiệp. Vì vậy, một trong những công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất của doanh nghiệp là công tác kế toán. Công tác kế toán có nhiệm vụ cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác đầy đủ số liệu cho các nhà quản lý. Từ đó các nhà quản lý sẽ đưa ra các quyết định phù hợp với sự phát triển sản xuất kinh doanh và yêu cầu trong doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại: **Công ty TNHH MTV Phương Khoa**, em nhận thức rõ hơn về vai trò của và chức năng của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Nó liên quan hầu hết đến các yếu tố đầu vào và đầu ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ý thức được điều đó, em đã chọn đề tài: **Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm** để nghiên cứu.

Chuyên đề của em gồm 3 chương chính ngoài phần lời nói đầu:

- **Chương I: Tổng quan về công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Phương Khoa.**

- **Chương II: Cơ sở lý luận về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay.**

- Chương III: Tình hình thực tế về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay.

- ChươngIV: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp Công ty TNHH MTV Phương Khoa.

NHẬN XÉT CỦA CƠ QUAN NỘI THỰC TẬP

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TPHCM, Ngày ... tháng 12 năm 2010

**NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN
THỰC TẬP**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giáo viên hướng dẫn

CHƯƠNG I :

**TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG KHOA**

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG KHOA.

1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Phương Khoa

Tên Tiếng Anh: PHƯƠNG KHOA COMPANY LIMITED

- Địa chỉ : 49/5/8 – Đ TCH16- KP9- P. Tân Chánh Hiệp –Q12

Mã số thuế: 0308327583

- Điện thoại: (08)62566903

- Số Fax: 0862666903

Trước năm 2004 công ty chỉ là một cơ sở nhỏ chuyên Kinh doanh buôn bán, lắp đặt các loại vật liệu xây dựng, gia công cơ khí, phủ tráng kim loại. Khi nền kinh tế phát triển ngày càng mạnh, nhu cầu tiêu dùng của con người ngày càng tăng, các công ty lớn nhỏ dần dần xuất hiện. Vật liệu xây dựng là một trong những mặt hàng không thể thiếu của con người trong các công trình xây dựng cũng như những công trình khác, và đóng vai trò rất lớn trong việc hoàn thiện và phát triển nền kinh tế của đất nước. Nhận thấy điều đó năm 2004 ông Nguyễn Đức Thê đã quyết định mở rộng cơ sở thành công ty TNHH Một Thành Viên Phương Khoa và được sở kế hoạch đầu tư cấp giấy phép số 4104009356 ngày 17/04/2009 tên gọi là Công ty TNHH Một Thành Viên Phương Khoa.

- Vốn điều lệ: thời gian đầu công ty thành lập với số vốn điều lệ là: 1.500.000.000 đ.

- Cho đến nay vốn điều lệ của công ty vẫn không thay đổi, công ty luôn đảm bảo đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT... cho mọi cán bộ công nhân viên. Tất cả mọi người làm việc rất chăm chỉ và nhiệt tình, gắn bó hết mình với công ty.

Trải qua hơn 5 năm hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với sự phát triển của nền kinh tế đất nước, công ty cũng có sự phát triển lớn mạnh hơn và đạt được nhiều thành tựu mới. Công ty luôn bảo toàn và phát triển được nguồn vốn của mình, không những nộp đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước mà còn có lãi, đời sống cán bộ công nhân viên được nâng cao, tạo nhiều công ăn việc làm cho công nhân viên góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp.

1.2. Tổ chức SX và tổ chức quản lý SXKD trong doanh nghiệp

Để sự phát triển ngày càng lớn mạnh lãnh đạo công ty đã bổ sung nguồn vốn từ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình vào nguồn vốn ngân sách nhà nước và mở rộng các ngành nghề kinh doanh. Đến nay, công ty nhận được rất nhiều công trình lớn thu được lợi nhuận rất là cao.

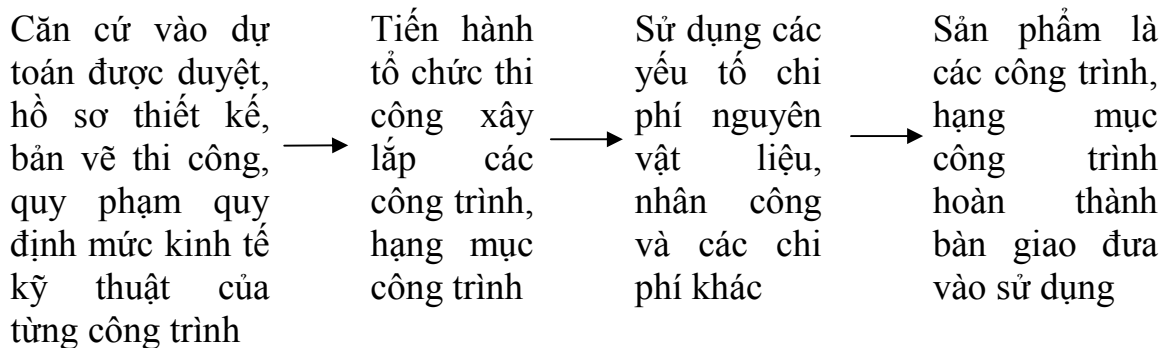
- Tổng thầu XD các công trình bao gồm: XD công trình công nghiệp, XD công trình công cộng, XD nhà ở, XD khác.

- Đầu tư XD hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị và khu công nghiệp

Quy trình sản xuất sản phẩm của công ty TNHH MTV Phương Khoa.

Là công ty xây dựng nên quy trình sản xuất của công ty là quá trình tổ chức thi công sử dụng các yếu tố nguyên vật liệu, nhân công, máy thi công và chi phí sản xuất thi công khác để tạo nên công trình, hạng mục công trình. Công tác tổ chức thi công được tiến hành trên những tài liệu cần thiết như thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, biểu đồ tổ chức công trình. vì vậy tùy từng công trình mà công ty tổ chức các phương pháp thi công khác nhau cho phù hợp.

Có thể tóm tắt quy trình sản xuất khái quát của công ty như sau:



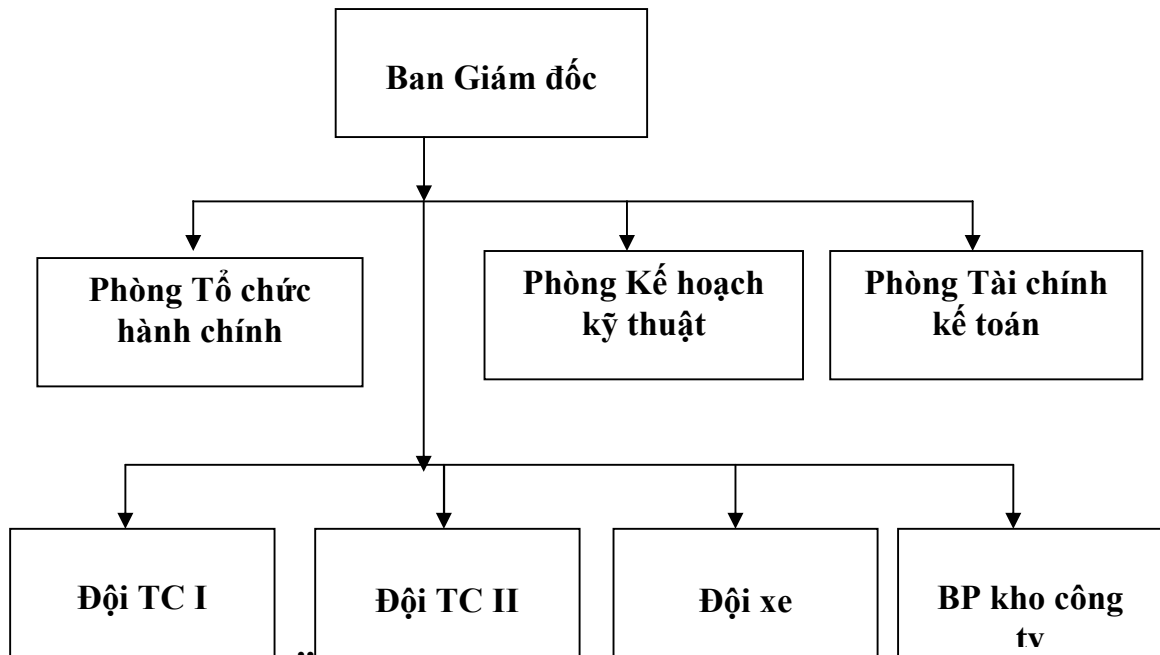
Nắm vững quy trình công nghệ không chỉ giúp cho công tác quản lý và hạch toán các yếu tố đầu vào được tổ chức một cách hợp lý mà còn có thể theo dõi từng bước quy trình tập hợp chi phí sản xuất từ khi khởi công đến giai đoạn cuối cùng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:

Công ty TNHH MTV Phương Khoa là một đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo luật doanh nghiệp. Điều lệ công ty nằm dưới sự quản lý của Ban giám đốc để phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty tổ chức theo mô hình cơ cấu trực tuyến chức năng.

Theo mô hình này các phòng ban chức năng có nhiệm vụ thực hiện các chức năng của phòng mình và gửi số liệu báo cáo Giám đốc, các phòng ban không có quyền chỉ đạo sản xuất ở các đội mà chỉ có nhiệm vụ giám sát theo dõi báo cáo của các phân hành công việc được Giám đốc giao.

a. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH MTV Phương Khoa:



b. Nhiệm vụ:

+ Ban giám đốc: Có nhiệm vụ bao quát quản lý chung toàn công ty và phụ trách kinh doanh có quyền bổ nhiệm và chịu trách nhiệm về hoạt động của công ty

+ Phòng tổ chức hành chính: Giúp giám đốc việc tổ chức các đội đảm bảo cơ cấu quản lý (cán bộ nhân viên quản lý kỹ thuật, nhân viên kinh tế và cơ cấu các loại thợ phù hợp với sản xuất từng công trình, các biện pháp an toàn lao động địa bàn địa điểm thi công...)

+ Phòng kế hoạch kỹ thuật: Giúp Giám đốc công ty giao kế hoạch sản xuất (theo từng hợp đồng hoặc đơn đặt hàng) và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đồng thời với chức năng quản lý kỹ thuật. Phòng có cán bộ thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy phạm kỹ thuật ở các đội, các công trình.

+ Phòng tài chính kế toán: Có 1 kế toán trưởng, các kế toán viên, 1 thủ quỹ. Từng kế toán viên phải kiêm nhiệm các công việc khác trong phòng ngoài nhiệm vụ chính.

Ví dụ: Kế toán tiền lương và BHXH – KPCĐ kiêm kế toán thanh toán theo dõi sổ cái TK 131 (thanh toán với người mua) và TK 331 (phải trả người bán)

+ Khối sản xuất trực tiếp: chia làm 9 đội xây dựng, 1 xe, bộ phận kho công ty... Mỗi đội về tổ chức cũng theo tinh thần gọn nhẹ để giảm chi phí tiền lương nên có 1 đội trưởng quản lý chung và chịu trách nhiệm trước công ty về

việc trực tiếp thực hiện các hợp đồng kinh tế mà công ty ký kết giao cho đội, đồng thời nhận khoán một số chi phí do công ty giao khoán.

+ Đội xe thi công : Được trang bị hiện đại có 12 xe ben tự đổ, 4 xe vận tải, 2 xe cẩu, 2 máy xúc gạt EO. Đội có nhiệm vụ thực hiện các công việc theo bố trí kế hoạch của công ty điều động cho các đội xây dựng: đào, xúc, ủi, cẩu... ngoài ra đội còn cung cấp dịch vụ này ra bên ngoài theo hợp đồng do công ty ký kết.

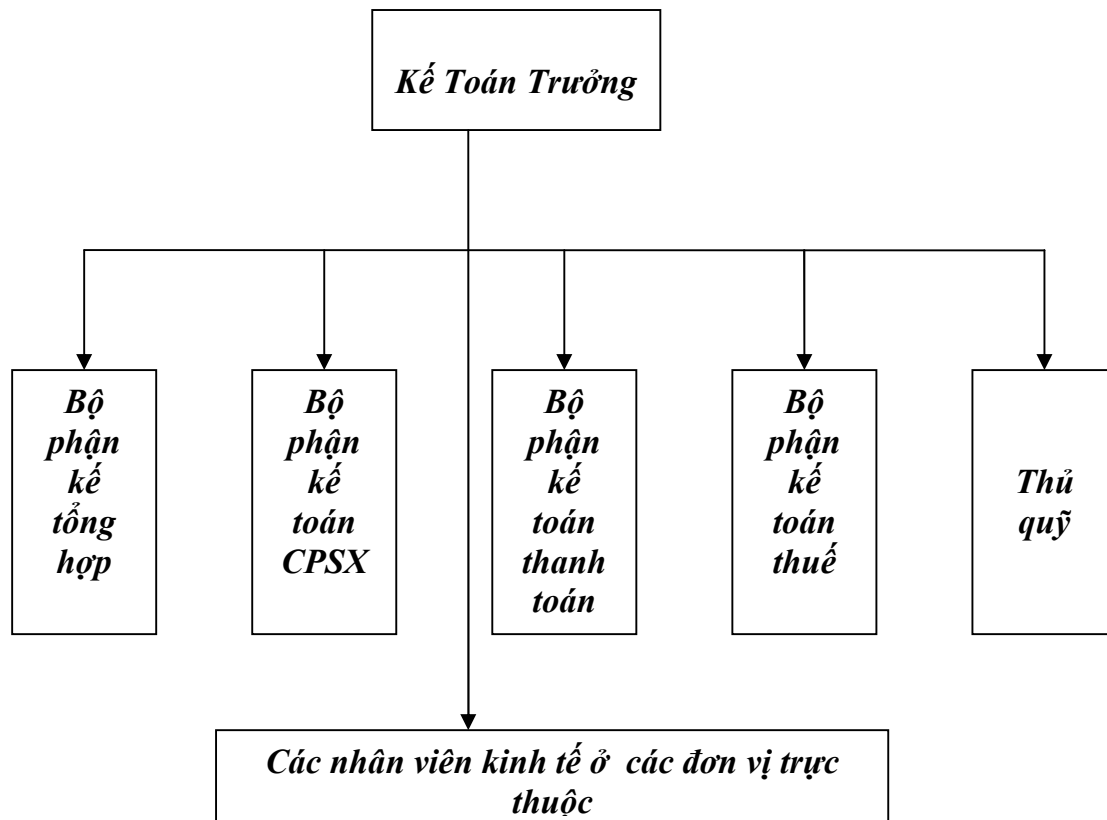
Quan hệ giữa các phòng ban là quan hệ hợp tác, chương trình công tác và mọi hoạt động của các phòng phải đảm bảo hợp đồng ăn khớp và khối sản xuất chặt chẽ thường xuyên với nhau nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch chung của công ty, đảm bảo cho công tác điều hành quản lý của công ty được đồng bộ thông suốt và có hiệu quả cao. Khi gặp các nhiệm vụ, công việc phân công chưa rõ hoặc phải phối hợp với nhiều bộ phận mới giải quyết được, các phòng phải chủ động gặp nhau để bàn bạc giải quyết với tinh thần hợp tác tích cực.

1.3. Tổ chức công tác kế toán ở công ty TNHH MTV Phương Khoa.

- Căn cứ vào trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ kế toán của công ty
- Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất công việc

Xuất phát từ đặc điểm, tính chất, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty TNHH MTV Phương Khoa đã xây dựng bộ máy kế toán theo mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung phân tán. Đây là hình thức tổ chức bộ máy kế toán phù hợp cho đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp với tính chất hoạt động không phức tạp, có bộ máy kế toán gọn nhẹ, trình độ nghiệp vụ của đội ngũ kế toán viên cao, cũng như phạm vi hoạt động của đơn vị không quá rộng. Cụ thể:

a. Sơ đồ bộ máy kế toán:



b. nhiệm vụ:

- Kế toán trưởng : là người phụ trách phòng kế toán ở công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc tổ chức công tác kế toán trong phòng để thực hiện chức năng của phòng cũng như việc thực hiện đúng quy chế chế độ tài chính - kế toán hiện hành.

- Kế toán tổng hợp: Có chức năng tổ chức hạch toán tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập sổ sách, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định, xác định giá thành thực tế công trình và tính lương bộ phận gián tiếp. Đồng thời kế toán tổng hợp còn kiêm nhiệm kế toán TSCĐ.

- Kế toán chi phí sản xuất : Ngoài nhiệm vụ theo dõi tập hợp các chi phí sản xuất còn được phân công theo dõi các khoản công nợ nội bộ.

- Kế toán thanh toán: Phụ trách các nghiệp vụ về thanh toán công nợ với bên ngoài công ty.

- Kế toán thuế: phụ trách các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan tới thuế.

- Thủ quỹ: là người quản lý quỹ tiền mặt, thực hiện công việc thu, chi của công ty.

- Các nhân viên kinh tế ở các đơn vị trực thuộc: là theo dõi các hoạt động kinh tế phát sinh ở các đơn vị trực thuộc sau đó tổng hợp lại và gửi lên phòng kế toán công ty.

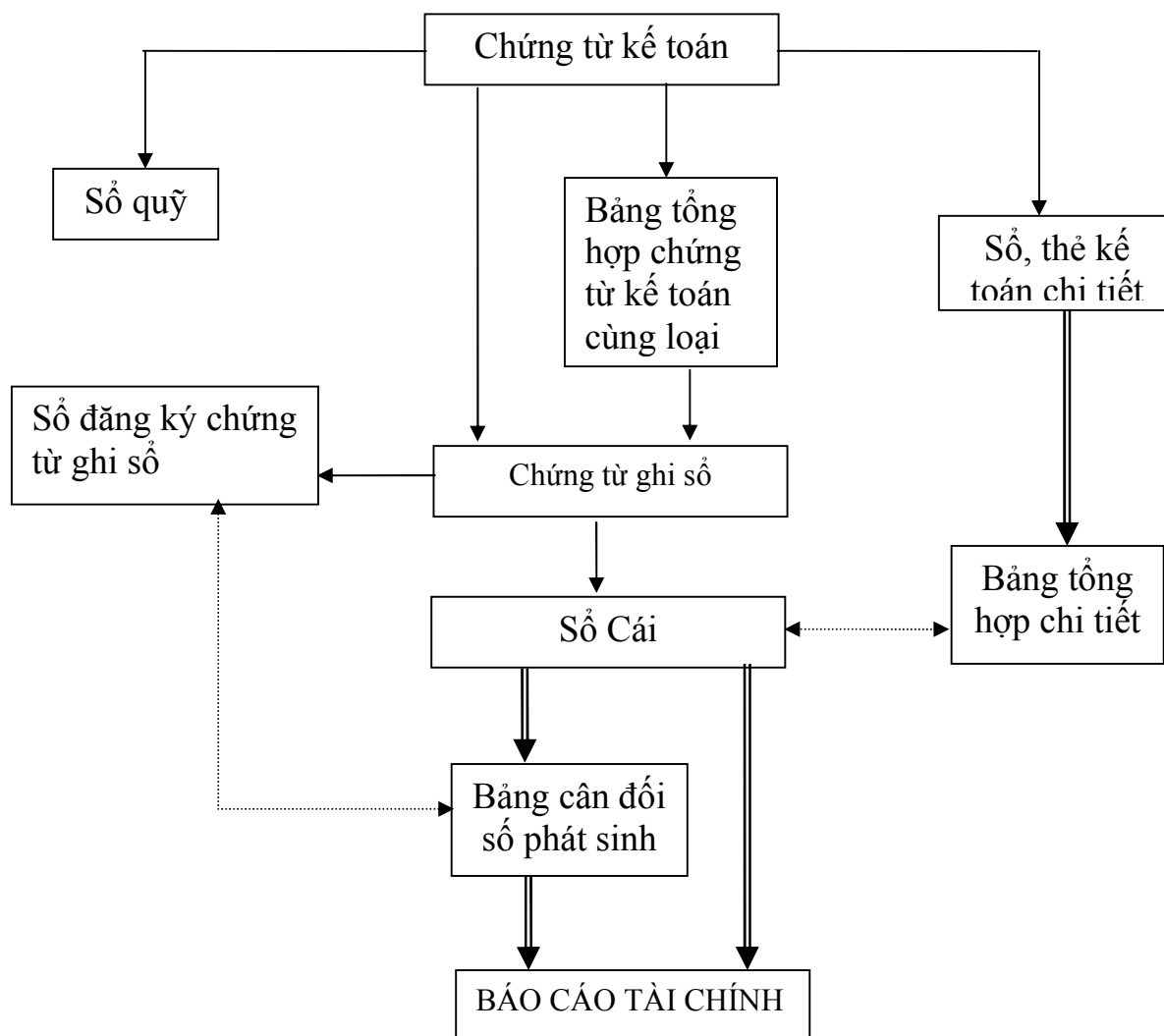
1.4. Hình thức kế toán doanh nghiệp áp dụng:

Hiện nay công ty TNHH MTV Phương Khoa áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ và để hạch toán hàng tồn kho doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Do đó mà hệ thống sổ sách kế toán hiện doanh nghiệp sử dụng là: Các sổ chi tiết, sổ cái, sổ nhật ký chung, chứng từ ghi sổ.

a). Đặc điểm

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ là căn cứ trực tiếp để ghi sổ. Kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ việc ghi sổ trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tổng hợp bao gồm ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái TK chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại có cùng nội dung kinh tế. Nhật ký chứng từ được đánh giá liên tục trong từng tháng hoặc cả năm. Nhật ký chứng từ chỉ có thể làm căn cứ ghi sổ tổng hợp khi có chứng từ gốc đính kèm và được sự phê duyệt của kế toán trưởng.

b). Sơ đồ: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ (CTGS) tại công ty 129 – Ban cơ yếu Chính phủ.



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

CHƯƠNG II

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG XDCB

1.1. Đặc điểm của ngành XDCB và sản phẩm xây lắp.

XDCB là ngành sản xuất vật chất độc lập có chức năng tái sản xuất tài sản cố định cho tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân. Nó tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội, tăng tiềm lực kinh tế và quốc phòng của đất nước. Góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Song so với các ngành sản xuất khác, ngành xây dựng cơ bản có những đặc điểm kinh tế kỹ thuật riêng, được thể hiện rất rõ ở sản xuất xây lắp và quá trình tạo ra các sản phẩm của ngành. Sản phẩm xây lắp là các công trình, vật kiến trúc có đủ điều kiện đưa vào áp dụng và phát huy tác dụng. Sản phẩm xây lắp mang đặc điểm là quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, thời gian xây dựng lắp đặt dài. Đặc điểm này làm cho việc tổ chức quản lý và hạch toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp phải có các dự toán (dự toán thiết kế, dự toán thi công).

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất do đó các điều kiện sản xuất: Vật liệu, lao động, xe máy thi công... phải di chuyển theo địa điểm theo địa điểm đặt sản phẩm công trình. Do vậy công tác quản lý, sử dụng, hạch toán vật tư, tài sản cũng trở nên phức tạp.

Quá trình từ khi khởi công công trình cho đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường là dài, nó phụ thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia làm nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại bao gồm nhiều công việc khác nhau. Các công việc chủ yếu thực hiện ở ngoài trời nên nó bị ảnh hưởng lớn của điều kiện thiên nhiên, thời tiết làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình vì vậy quá trình tập hợp chi phí kéo dài, phát sinh nhiều chi phí ngoài dự toán, chi phí không ổn định và phụ thuộc nhiều vào từng giai đoạn thi công.

Sản phẩm xây lắp rất đa dạng nhưng lại mang tính chất đơn chiếc. Mỗi công trình được tiến hành thi công theo đơn đặt hàng cụ thể, phụ thuộc vào yêu cầu của khách hàng và theo thiết kế kỹ thuật của công trình đó. Khi thực hiện các đơn vị xây lắp phải bàn giao đúng tiến độ, đúng thiết kế kỹ thuật, đảm bảo chất lượng công trình.

Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá trị dự toán hoặc thoả thuận với chủ đầu tư từ khi ký kết hợp đồng, do đó tính chất hàng hoá của sản phẩm xây lắp thể hiện không rõ. Nếu quản lý tốt thì doanh nghiệp có thể giảm bớt chi phí và tăng lợi nhuận.

Chính những đặc trưng riêng của ngành xây dựng cơ bản đã có tác động lớn đến việc tổ chức kế toán nói chung, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng.

1.2. Sự cần thiết của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Trong công tác quản trị doanh nghiệp nói chung đặc biệt là trong doanh nghiệp xây lắp nói riêng chi phí xây lắp và giá thành sản phẩm xây lắp là những chỉ tiêu quan trọng luôn được các doanh nghiệp quan tâm, vì chúng gắn liền với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức khoa học, hợp lý sẽ tạo điều kiện cho hạch toán chi phí được chính xác và tính đúng, đủ giá thành sản phẩm. Có làm tốt công tác này, bộ phận kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành mới có thể cung cấp những thông tin chính xác cho lãnh đạo doanh nghiệp biết được chi phí và giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình. Qua đó nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá tình hình thực tế thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn có hiệu quả tiết kiệm hay lãng phí. Từ đó có biện pháp quản lý thích hợp, chặt chẽ chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm không giảm mà vẫn thu được nhiều lợi nhuận. Để làm được điều đó thì một mặt cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất, mặt khác phải tăng cường công tác quản lý kinh tế mà trọng tâm là quản lý chi phí sản xuất.

Điều này chỉ có kế toán mới thực hiện được vì đây là một công cụ quan trọng của quản lý. Tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp để xác định đúng nội dung, phạm vi chi phí cấu thành trong giá thành, lượng giá trị các yếu tố.

1.3. Vai trò của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đối với công tác quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp xây dựng:

Giá thành và chất lượng sản phẩm luôn là hai điều kiện quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Để thực hiện được mục tiêu phấn đấu tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, doanh nghiệp xây dựng phải sử dụng nhiều biện pháp đồng thời, đồng bộ. Trên góc độ quản lý cần phải biết nguồn gốc, nội dung cấu thành của giá thành, để tìm những nguyên nhân cơ bản tác động làm tăng hoặc giảm giá thành có như thế người quản lý mới đề ra được biện pháp cần thiết để hạn chế, loại trừ những nhân tố tiêu cực và khai thác khả năng tiềm tàng, kích thích thúc đẩy yếu tố tích cực. Mặt khác, giá thành được làm cơ sở để xác định hiệu quả sản xuất kinh doanh nên doanh nghiệp xây dựng cần phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo đúng chế độ Nhà nước quy định, thực hiện đúng chuẩn mực kế toán quốc tế. Thông qua số liệu hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành do bộ phận kế toán cung cấp, các nhà lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp biết được chi phí và giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình để phân tích và đánh giá tình hình thực hiện các định mức, dự toán chi phí, tình hình sử dụng lao động, vật tư tiền vốn tiết kiệm hay lãng phí, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, từ đó đề ra các biện pháp hữu hiệu kịp thời nhằm hạ thấp chi phí và giá thành sản phẩm xây dựng. Qua đó đưa ra các quyết định phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp xây dựng.

1.4. Nhiệm vụ của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Trong hoạt động của sản xuất, đặc biệt là lĩnh vực xây lắp, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm là điều kiện cần thiết để sản phẩm của doanh nghiệp có thể cạnh tranh và đứng vững trên thị trường. Để tổ chức tốt kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm và phát huy được vai trò của kế toán đòi hỏi kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Xác định đúng đắn đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, vận dụng phương pháp tính giá thành phù hợp. Phản ánh kịp thời chính xác toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí vật tư, chi phí nhân công, dự toán chi phí sử dụng máy thi công và chi phí khác. Phát hiện kịp thời chính xác toàn bộ chi phí phát sinh ngoài dự toán.

- Tính toán, đánh giá chính xác khối lượng xây lắp dở dang, tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm xây lắp, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ hạ giá thành, bàn giao thanh toán kịp thời khối lượng xây lắp hoàn thành.

- Lập báo cáo chi phí sản xuất và bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp. Cung cấp kịp thời đầy đủ, chính xác các thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất.

2.1.1. Chi phí sản xuất:

Sự phát sinh phát triển của loài người gắn liền với quá trình sản xuất hàng hoá. Quá trình sản xuất hàng hoá là quá trình kết hợp của ba yếu tố: Tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Để tiến hành sản xuất hàng hoá thì người sản xuất phải bỏ ra chi phí về thù lao lao động, về tư liệu lao động và sức lao động. Do đó sự hình thành nên các chi phí sản xuất để tạo ra giá trị sản phẩm là tất yếu khách quan. Để biết được số chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra trong từng thời kỳ hoạt động là bao nhiêu nhằm tổng hợp tính toán các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho yêu cầu quản lý thì toàn bộ hao phí (lao động sống và lao động vật hoá, hao phí khác) mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong một thời kỳ để thực hiện quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm đều phải được biểu hiện bằng tiền.

Như vậy: Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá và các hao phí cần thiết khác mà doanh nghiệp phải chi ra để tiến hành các hoạt động sản xuất trong một thời kỳ nhất định.

2.1.2 Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp:

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại, mỗi loại có tính chất nội dung kinh tế và công dụng khác nhau. Do đó yêu cầu quản lý đối với từng loại chi phí cũng khác nhau. Tùy theo yêu cầu quản lý, đối tượng cung cấp thông tin, góc độ xem xét chi phí mà chi phí sản xuất có thể được phân loại theo các cách sau:

** Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế thì xếp vào một yếu tố không phân biệt chi phí đó phát sinh ở đâu, lĩnh vực nào. Toàn bộ chi phí sản xuất của doanh nghiệp được chia thành các yếu tố:*

- Chi phí nguyên vật liệu: Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ giá trị vật liệu xuất kho sử dụng cho hoạt động xây lắp, nó bao gồm: Nguyên vật liệu

chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật thiết xây dựng cơ bản mà doanh nghiệp đã sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Chi phí nhân công: Là biểu hiện bằng tiền mà doanh nghiệp phải trả cho công nhân sản xuất bao gồm: Lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp (không bao gồm BHXH, KPCĐ, BHYT).

- Chi phí công cụ dụng cụ: Là phần giá trị hao mòn của các loại công cụ, dụng cụ sử dụng trong quá trình sản xuất xây lắp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Là biểu hiện bằng tiền của hao mòn TSCĐ phục vụ cho sản xuất.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp phải trả về các loại dịch vụ mua ngoài sử dụng vào quá trình sản xuất xây lắp của doanh nghiệp như: tiền điện, tiền nước, điện thoại...

- Chi phí bằng tiền khác: Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh ở quá trình sản xuất nằm ngoài các khoản mục đã nêu ở trên.

Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chúng cho biết kết cấu, tỷ trọng từng loại chi phí mà doanh nghiệp chi ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh và cũng là căn cứ để doanh nghiệp lập thuyết minh báo cáo tài chính, cung cấp thông tin cho quản trị doanh nghiệp và phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí, lập dự toán cho kỳ sau.

** Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích, công dụng của chi phí.*

Theo cách này, căn cứ vào mục đích, công dụng của chi phí trong sản xuất để chia ra các khoản mục chi phí khác nhau, mỗi khoản mục chi phí bao gồm những chi phí đó có nội dung kinh tế như thế nào. Toàn bộ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp được chia thành các khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Là chi phí các loại vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu, vật liệu sử dụng luân chuyển cần thiết để tạo nên sản phẩm xây lắp.

- Chi phí sử dụng máy thi công: Là chi phí sử dụng máy để hoàn thành sản phẩm xây lắp: Chi phí khấu hao máy thi công, chi phí thường xuyên, máy móc thi công và chi phí khác của máy thi công.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Tiền lương cơ bản các khoản phụ cấp lương, lương phụ của công nhân trực tiếp sản xuất.

- Chi phí sản xuất chung: Chi phí thực tế khác, chi phí cho bộ máy quản lý tổ, đội, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp và nhân viên quản lý đội, khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội.

** Phân loại chi phí theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ:*

Theo cách phân loại này chi phí được phân biệt thành:

- Chi phí cố định(bất biến): Là các chi phí mà tổng số không thay đổi khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động của sản xuất hoặc khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ.

- Chi phí hỗn hợp: Là các chi phí mà bản thân nó gồm các yếu tố của định phí và biến phí. Ở mức độ hoạt động nhất định chi phí hỗn hợp thể hiện các đặc điểm của định phí, nếu quá mức nó thể hiện đặc tính của định phí.

Phân loại chi phí sản xuất theo cách này có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý của doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp phân tích tình hình tiết kiệm chi phí sản xuất và xác định các biện pháp thích hợp để hạ thấp chi phí sản xuất cho một đơn vị sản phẩm.

** Phân loại chi phí sản xuất xây lắp theo mối quan hệ giữa chi phí với đối tượng chịu chi phí:*

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất xây lắp được chia thành chi phí trực tiếp và gián tiếp.

- Chi phí trực tiếp: Là chi phí liên quan trực tiếp đến từng đối tượng chịu chi phí. Những chi phí này được kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để tập hợp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- Chi phí gián tiếp: Là chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí. Về phương diện kế toán chi phí gián tiếp không thể căn cứ vào chứng từ gốc để tập hợp cho đối tượng chịu chi phí mà phải tập hợp cho từng đối tượng chịu chi phí mà phải tập hợp riêng, sau đó phân bổ cho các đối tượng theo tiêu chuẩn thích hợp.

Cách phân bổ loại này có ý nghĩa đối với việc xác định phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng một cách hợp lý.

2.2 Giá thành và các loại giá thành sản phẩm xây lắp.

2.2.1 Giá thành sản phẩm xây lắp

Để tiến hành thi công một công trình hay hoàn thành một lao vụ thì doanh nghiệp xây lắp phải bỏ vào quá trình thi công một lượng chi phí nhất định. Những chi phí mà doanh nghiệp chi ra trong quá trình thi công đó sẽ tham gia cấu thành sản phẩm xây lắp hoàn thành của quá trình đó.

Như vậy, giá thành sản phẩm xây lắp là chi phí sản xuất bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung, tính cho từng công trình, hạng mục công trình hay khối lượng hoàn thành đến giai đoạn quy ước, đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao và được chấp nhận thanh toán.

Với doanh nghiệp sản xuất khác, người ta có thể tính giá thành cho một loại sản phẩm được sản xuất ra trong kỳ và giá thành đơn vị của loại sản phẩm đó là một trong những căn cứ quan trọng để xác định giá bán.

Ở doanh nghiệp xây lắp, giá thành sản phẩm xây lắp mang tính chất cá biệt. Mỗi công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp sau khi hoàn

thành đều có giá thành riêng. Giá thành là một trong những chỉ tiêu chất lượng quan trọng đánh giá chất lượng công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp.

2.2.2. Bản chất chức năng của giá thành sản phẩm xây lắp.

Để thấy rõ bản chất kinh tế của giá thành sản phẩm xây lắp cần phân biệt giữa giá thành sản phẩm với chi phí sản xuất. Chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm, chi phí sản xuất biểu hiện sự hao mòn còn giá thành biểu hiện kết quả của quá trình sản xuất. Giá thành và chi phí sản xuất là hai mặt thống nhất của cùng một quá trình. Vì vậy chúng giống nhau về chất. Giá thành và chi phí về lao động sống, lao động vật hoá, các chi phí khác mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có sự khác nhau về lượng.

Chi phí sản xuất thể hiện những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất sản phẩm trong một kỳ (tháng, quý, năm) không tính đến chi phí đó có liên quan đến sản phẩm đã hoàn thành hay chưa. Giá thành sản phẩm là chi phí sản xuất tính cho một công trình hay khối lượng công việc xây lắp hoàn thành theo quy định. Giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành theo quy định. Giá thành sản phẩm còn thể có thể bao gồm cả chi phí sản xuất của khối lượng dở dang đầu kỳ và không bao gồm chi phí của khối xây lắp dở dang cuối kỳ được chuyển sang kỳ sau.

Như vậy, bản chất của giá thành sản phẩm xây lắp là sự chuyển dịch giá trị của các yếu tố chi phí vào sản phẩm xây lắp, công việc lao vụ đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm xây lắp có 2 chức năng chủ yếu:

- Chức năng lập giá: Để bù đắp được chi phí đã bỏ ra khi xác định giá bán của sản phẩm phải căn cứ vào giá thành của nó.

- Chức năng bù đắp chi phí: Giá thành là căn cứ, là mức tối thiểu để xác định khả năng bù đắp chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình sản xuất và thực hiện giá trị sản phẩm.

Giá thành có mối quan hệ mật thiết với giá trị và giá bán hàng hoá, đây là mối quan hệ nhân quả. Giá thành được coi là xuất phát điểm để xây dựng giá bán. Trong cơ chế thị trường giá bán của sản phẩm xây lắp là giá nhận thầu do vậy giá nhận thầu xây lắp biểu hiện giá trị của công trình hạng mục công trình.

Phải dựa trên cơ sở giá thành dự toán để xác định. Thông qua giá bán sản phẩm xây lắp mà đánh giá mức độ bù đắp chi phí và hiệu quả của chi phí.

2.2.3. Các loại giá thành sản phẩm xây lắp

****Giá thành dự toán:***

Giá thành dự toán là tổng chi phí dự toán để hoàn thành khối lượng xây lắp công trình, hạng mục công trình. Giá thành dự toán được xác định dựa trên cơ sở kinh tế kỹ thuật và đơn giá của nhà nước. Căn cứ vào giá trị dự toán của từng công trình, hạng mục công trình ta có thể xác định được giá thực tế của từng công trình đó:

Giá trị dự toán của công trình = Giá thành của công trình, hạng mục công trình + Lãi định mức

Do đó:

Giá thành dự toán của công trình, hạng mục công trình = Giá trị dự toán của từng công trình - Lãi định mức

Trong đó:

Lãi dự tính là số phần trăm trên giá thành xây lắp do nhà nước quy định đối với từng loại hình xây lắp, từng sản phẩm xây lắp cụ thể:

- Giá trị dự toán là chi phí của từng công trình, hạng mục công trình được xác định theo các định mức (về vật liệu, nhân công, máy thi công...), đơn giá của các cơ quan có thẩm quyền ban hành và dựa trên mặt bằng giá cả thị trường. Giá trị dự toán không phản ánh thực chất giá trị công trình.

** Giá thành kế hoạch:*

Là giá thành được xây dựng trên cơ sở những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp về các định mức, đơn giá, biện pháp thi công. Giá thành kế hoạch được xác định theo công thức:

Giá thành kế hoạch của công trình, hạng mục công trình = Giá thành dự toán của công trình, hạng mục công trình - Mức hạ giá thành kế hoạch

Giá thành kế hoạch là cơ sở để phân đấu hạ giá thành sản phẩm xây lắp trong giai đoạn kế hoạch. Nó phản ánh trình độ quản lý giá thành của doanh nghiệp.

** Giá thành thực tế:*

Là biểu hiện bằng tiền của tất cả các chi phí sản xuất thực tế mà doanh nghiệp xây lắp đã bỏ ra để hoàn thành khối lượng xây lắp nhất định. Nó được xác định trên cơ sở số liệu kế toán về chi phí sản xuất của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ.

Giá thành thực tế không chỉ bao gồm những chi phí định mức mà còn cả chi phí vượt định mức và các chi phí khác: Mất mát, hao hụt vật tư... do nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp.

Muốn đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất thi công của công tác xây lắp đòi hỏi chúng ta phải so sánh các loại giá thành trên với nhau. Việc so sánh các loại giá thành này phải đảm bảo tính thống nhất về thời điểm và dựa trên cùng một đối tượng tính giá thành (từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao). Mục đích cuối cùng của các doanh nghiệp là lợi nhuận để đạt được mục đích đó thì các doanh nghiệp xây lắp luôn phải đảm bảo:

Giá thành dự toán \geq Giá thành kế hoạch \geq Giá thành thực tế.

* Ngoài ra trong doanh nghiệp xây lắp còn có thể sử dụng 2 loại giá thành đó là giá thành của khối lượng xây lắp hoàn chỉnh và giá thành của khối lượng hoàn thành quy ước.

Giá thành khối lượng xây lắp hoàn chỉnh là giá thành của những công trình, hạng mục công trình xây lắp hoàn thành đảm bảo chất lượng và kỹ thuật đúng thiết kế, đúng hợp đồng bàn giao và được bên chủ đầu tư (Bên A) nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

Giá thành khối lượng hoàn thành quy ước là giá thành của khối lượng xây lắp hoàn thành đến một giai đoạn nhất định và phải thoả mãn một số điều kiện như: Nằm trong thiết kế và đảm bảo chất lượng kỹ thuật, khối lượng này phải được xác định cụ thể và được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

2.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất:

2.3.1. Nguyên tắc hạch toán sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.

Cũng giống như các doanh nghiệp sản xuất khác, đối với các doanh nghiệp xây lắp việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp cũng phải tuân theo chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành cụ thể là: Giá thành sản phẩm xây lắp được kết chuyển từ bên có của TK 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154(1) – Xây lắp) chỉ bao gồm chi phí trực tiếp; chi phí sử dụng máy thi công; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí sản xuất chung. Đối với chi phí sản xuất chung chỉ bao gồm một bộ phận của chi phí chung phát sinh ở đội xây dựng, công trường xây dựng

Không được hạch toán vào giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp những chi phí sau: Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí bất thường, chi phí sự nghiệp.

2.3.2. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn để tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát chi phí và yêu cầu tính giá thành thành phẩm. Như vậy, thực chất của việc xác định đối

tượng tập hợp chi phí sản xuất là việc xác định chi phí đã phát sinh và nơi gánh chịu chi phí.

Tuỳ theo cơ cấu tổ chức sản xuất, trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và yêu cầu hạch toán kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất chế tạo sản phẩm của doanh nghiệp là đơn giản hay phức tạp mà đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất có thể là: Từng sản phẩm, từng đơn đặt hàng, toàn bộ quy trình công nghệ, từng phân xưởng, tổ đội sản xuất...

Đối với các doanh nghiệp xây lắp do đặc điểm của sản phẩm xây lắp là đơn chiếc đặc trưng kỹ thuật thi công tổ chức sản xuất riêng phức tạp, quá trình thi công tổ chức sản xuất riêng phức tạp, quá trình thi công chia làm nhiều giai đoạn nên đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là từng công trình, hạng mục công trình hay theo từng đơn đặt hàng.

2.3.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Có hai phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

** Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp:*

Phương pháp tập hợp trực tiếp áp dụng đối với những chi phí sản xuất có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt (Công trình, hạng mục công trình...) thì tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng tập hợp chi phí đó, gọi là phương pháp tập hợp trực tiếp, phương pháp này thường được áp dụng cho doanh nghiệp xây lắp vì đây là cách tập hợp trực tiếp chính xác nhất đồng thời lại theo dõi được một cách trực tiếp các chi phí có liên quan tới các đối tượng cần theo dõi. Hơn nữa nó tạo điều kiện cho kế toán tính giá thành thi chi phí phát sinh theo công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình đó.

** Phương pháp tập hợp (phân bổ) gián tiếp:*

Phương pháp này được áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Sau khi tập hợp toàn bộ chi phí này, kế toán lựa chọn phương pháp phân bổ để tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan theo công thức:

$$C_i = \frac{\sum C}{\sum T_i} \times T_i$$

Trong đó:

$+\frac{\sum C}{\sum T_i}$: Là hệ số phân bổ

$+C_i$: Là chi phí sản xuất phân bổ cho đối tượng i

$\sum C$: Là tổng chi phí sản xuất đã tập hợp cần phân bổ

$+T_i$: Là đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ cho đối tượng i

$+x$: là tổng đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ

Tiêu chuẩn phân bổ thường sử dụng là: Chi phí sản xuất, chi phí kế hoạch, chi phí định mức, chi phí nguyên vật liệu chính, khối lượng sản xuất sản phẩm...

Trong các doanh nghiệp xây lắp phương pháp này ít được áp dụng.

2.3.4. Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng

Trong doanh nghiệp xây lắp đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình hoặc theo đơn đặt hàng. Trưởng ban tài chính tổ chức việc lập chứng từ hạch toán ban đầu cho từng đối tượng tập hợp chi phí. Đối với vật tư thì chứng từ gốc là phiếu nhập kho, với chi phí khấu hao TSCĐ là bảng phân bổ và trích khấu hao TSCĐ, phiếu thu, phiếu chi...

*** Tài khoản kế toán sử dụng:**

Theo quy định hiện hành để hạch toán hàng tồn kho trong xây lắp kế toán chỉ áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên do đó mà tài khoản kế toán sử dụng:

-TK 621 – “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”: Dùng để phản ánh các chi phí nguyên vật liệu thực tế phát sinh để sản xuất sản phẩm xây dựng hay lắp đặt các công trình. TK 621 được mở chi tiết cho từng công trình xây dựng, lắp đặt.

-TK622 – “ Chi phí nhân công trực tiếp”: Dùng để phản ánh các khoản lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân phục vụ xây lắp, công nhân vận chuyển bốc dỡ vật liệu ... TK này được mở chi tiết cho từng công trình.

- TK 623 – “ Chi phí sử dụng máy thi công”: Dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho máy hoạt động xây lắp công trình.

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn theo phương pháp bằng máy thi công không sử dụng TK 623 mà doanh nghiệp hạch toán chi phí trực tiếp vào TK 621, 622, 627.

- TK 627 – “ Chi phí sản xuất chung”: Dùng để phản ánh những chi phí phục vụ xây lắp tại các đội và các bộ phận sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.

- TK 154 – “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”: Dùng để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Chi phí sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Phản ánh trên TK 154 gồm những chi phí sau: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí sử dụng máy thi công; chi phí sản xuất chung.

2.3.5. Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.

*** Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Trong xây lắp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm: Chi phí thực tế về vật liệu phụ và các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình sử dụng trong

quá trình xây lắp công trình thi công, hạng mục công trình. Nó không bao gồm giá trị vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và vật liệu sử dụng cho quản lý đội, công trình. Chi phí vật liệu trực tiếp còn bao gồm cả các chi phí cấp pha, đà giáo, công cụ dụng cụ được sử dụng nhiều lần. Vật liệu sử dụng cho công trình, hạng mục công trình nào thì tính cho hạng mục công trình đó. Trường hợp không tách riêng được thì phải tiến hành phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo định mức tiêu hao vật liệu hoặc theo khối lượng thực hiện.

Để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng TK 621 – “chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Tài khoản 621:

Phản ánh chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp của doanh nghiệp xây lắp.

Kết cấu

Bên Nợ: - Trị giá thực tế nguyên vật liệu đưa vào sử dụng trực tiếp sử dụng cho hoạt động xây lắp trong kỳ hạch toán.

Bên có: - Trị giá nguyên vật liệu không hết nhập lại kho.

- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu thực tế sử dụng cho hoạt động xây lắp trong kỳ

Tài khoản 621 cuối kỳ không có số dư.

Trình tự kế toán:

Khi xuất kho nguyên vật liệu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp kế toán ghi:

Nợ TK 621: “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Có TK 152: “ Nguyên vật liệu”

Trường hợp mua nguyên vật liệu đưa thẳng vào sử dụng cho hoạt động sản xuất xây lắp, đối với đơn vị tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế kế toán ghi :

Nợ TK 621: “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Nợ TK 133: “ Thuế GTGT được khấu trừ”

Có TK 111, 112, 331: Giá thanh toán.

Đối với đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp kế toán ghi:

Nợ TK 621: “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Có TK 111. 112. 331: Giá thanh toán.

Trường hợp chi phí là đà giáo, cấp pha khi xuất kho đưa vào sử dụng cho hoạt động xây lắp kế toán ghi:

Nợ TK 142: “ Chi phí trả trước”

Có TK 153: “ Công cụ đồ dùng

Cuối tháng căn cứ vào bảng phân bổ đà giáo, cấp pha cho từng công trình, hạng mục công trình kế toán ghi:

Nợ TK 621: “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Có TK 142: “Chi phí trả trước”

Cuối kỳ kiểm kê xác định nguyên vật liệu dùng không hết nhập lại kho kế toán ghi

Nợ TK 152: “ Nguyên vật liệu”

Có TK 621: “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Cuối kỳ tính toán xác định nguyên vật liệu thực tế sử dụng cho từng đối tượng kế toán ghi:

Nợ TK 154: “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Có TK 621: “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

*** Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:**

Chi phí nhân công trực tiếp trong xây lắp bao gồm tiền lương chính, phụ cấp lương và lương phụ của công nhân trực tiếp xây lắp theo đơn giá xây dựng cơ bản. Nó không bao gồm các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trích trên tiền lương của công nhân xây lắp, tiền lương phải trả cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên quản lý đội và tiền lương của nhân viên điều khiển máy thi công.

Đề tập hợp chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng TK 622 được tập hợp riêng theo từng công trình, hạng mục công trình.

TK 622: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp.

Kết cấu TK 622

Bên Nợ: - Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp lao vụ dịch vụ bao gồm tiền công lao động.

Bên có: - Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp.

TK622 cuối kỳ không có số dư.

Trình tự kế toán:

Căn cứ vào bảng thanh toán lương, tiền công phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất xây lắp kế toán ghi:

Nợ TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất.

Có TK 334: Phải trả công nhân viên.

Có TK 331: Phải trả người bán.

Cuối kỳ kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp:

Nợ TK 154: “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Có TK 622: “ Chi phí nhân công trực tiếp.

***Kế toán chi phí sử dụng máy thi công:**

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng công việc xây lắp bằng máy theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa bằng máy. Chi phí máy thi công gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân công: Lương chính, lương phụ, phụ cấp phải trả công nhân trực tiếp điều khiển máy thi công.

- Chi phí vật liệu: Nhiên liệu, Vật liệu dùng cho máy thi công.
- Chi phí dụng cụ sản xuất dùng cho xe máy thi công.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho xe máy thi công.
- Chi phí khấu hao xe máy thi công.
- Chi phí bằng tiền khác cho xe máy thi công.

Đề tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công kế toán sử dụng TK 623.

TK 623 : Chi phí sử dụng máy thi công: Tài khoản này dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình.

Kết cấu TK 623

Bên nợ: - Phản ánh các chi phí cho quá trình sử dụng máy thi công (chi phí nguyên vật liệu cho máy hoạt động, chi phí bảo dưỡng sửa chữa máy thi công...)

Bên có: - Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công.

Trình tự kế toán

Kế toán chi phí sử dụng máy thi công tùy thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công.

Trường hợp tổ chức thành các tổ đội máy thi công có phân cấp hạch toán (tổ chức kế toán riêng) thực hiện hạch toán nội bộ, cung cấp lao vụ máy cho các tổ đội xây lắp. Đề tập hợp chi phí hoạt động và tính giá thành ca máy kế toán tổ đội máy thi công. Sử dụng các TK 621, TK622, TK627 và TK154

Trình tự kế toán như sau:

Khi xuất nguyên vật liệu cho máy thi công, kế toán ghi:

Nợ TK621: “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Có Tk 152: “ Nguyên vật liệu”

Nếu mua nguyên vật liệu đưa thẳng vào sử dụng cho máy thi công (Không qua kho) kế toán ghi:

Nợ TK 621:” Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” (Giá chưa thuế)

Nợ TK 133(1331): “ Thuế GTGT được khấu trừ”

Có TK 111,112,331: Giá thanh toán

Khi tính lương phải trả công nhân phục vụ và điều khiển máy thi công kế toán ghi:

Nợ TK 622: “ chi phí nhân công trực tiếp”

Có TK 334: “ Phải trả công nhân viên”

Khi phát sinh những chi phí quản lý tổ đội máy thi công kế toán ghi:

Nợ TK 627: “ Chi phí sản xuất chung”

Có TK liên quan: (152, 153,334,111,112...)

Cuối kỳ kết chuyển chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung kế toán ghi:

Nợ TK 154: “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Có TK 621: ” Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Có TK 622: “ chi phí nhân công trực tiếp”

Có TK 627: “ Chi phí sản xuất chung”

Kế toán xác định giá thành thực tế ca máy thi công, căn cứ giá thành ca máy cung cấp cho các tổ đội xây lắp, kế toán ghi:

Nợ TK 136: “ Phải thu nội bộ”

Có TK 154: “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

(Nếu không tính doanh thu)

hoặc kế toán ghi:

Nợ TK 136: “ Phải thu nội bộ”

Có TK 152: “ Doanh thu nội bộ”

Có TK 333 (3333): “ Thuế GTGT”.

Kết chuyển giá thành ca máy đã cung cấp ghi:

Nợ TK 632: “ Giá vốn hàng bán”

Có TK 154: “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

Kế toán tổ đội xây lắp khi nhận dịch vụ máy thi công.

Nợ TK 623: “ Chi phí sử dụng máy thi công”

Có TK154: “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Kế toán ở tổ đội xây lắp khi nhận dịch vụ máy thi công:

Nợ TK 623: “ Chi phí sử dụng máy thi công”

Có TK 336: “Phải trả nội bộ”

Nợ TK 623: “ Chi phí sử dụng máy thi công”

Nợ TK 1331: “Thuế GTGT”

Có TK 336: “Phải trả nội bộ”

Cuối kỳ kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công, kế toán ghi:

Nợ TK 154: “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Có TK 623: “ Chi phí sử dụng máy thi công”

Trường hợp không tổ chức thành tổ đội máy thi công riêng hoặc có tổ chức nhưng không phân cấp hạch toán (không tổ chức kế toán riêng)

Kế toán chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán như sau:

Khi xuất kho hoặc mua nguyên vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công

Nếu xuất kho đưa vào sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 623 (6232): “ Chi phí nguyên vật liệu”

Có TK 152: “Nguyên liệu, vật liệu”

Nếu mua đưa thẳng vào sản xuất, kế toán ghi:

Nợ TK 623: “ Chi phí sử dụng máy thi công”

Nợ TK 1331: “Thuế GTGT”

CóTK: 111, 112, 331...

Căn cứ vào bảng thanh toán lương phải trả công nhân viên phục vụ và điều khiển máy thi công, kế toán ghi:

Nợ TK 6231: “Chi phí nhân công sử dụng máy”

Có TK 334: “Phải trả công nhân viên”

Căn cứ vào bảng tính khấu hao ca, máy thi công

Nợ TK 623: “Chi phí khấu hao TSCĐ”

Có TK 214: “Hao mòn TSCĐ”

Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác liên quan trực tiếp đến sử dụng máy thi công (Sửa chữa, tiền điện, nước...) kế toán ghi:

Nợ TK 623 (6237, 6238): “Chi phí sử dụng máy thi công”

Nợ TK133: “Thuế GTGT được khấu trừ”

Có TK 111, 112, 331

Cuối kỳ kế toán lập bảng phân bổ chi phí sử dụng máy tính chi từng công trình, hạng mục công trình (Phân bổ theo từng sản lượng thực hiện theo số giờ máy sử dụng), kế toán ghi:

Nợ TK 154: “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Có TK 623: “Chi phí sử dụng máy thi công”

Trường hợp thuê ca máy thi công

Trong quá trình thi công xây lắp doanh nghiệp không có máy thi công phải thuê ngoài xe, máy thi công xác định số tiền phải trả bên cho thuê, kế toán ghi:

Nợ TK 623: “Chi phí sử dụng máy thi công”

Nợ TK 133: “Thuế GTGT được khấu trừ”

Có TK 111, 112, 331

Cuối kỳ kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công cho các đối tượng sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 154: “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Có TK 623: “Chi phí sử dụng máy thi công”

** Kế toán chi phí sản xuất chung:*

Chi phí sản xuất chung trong từng đội xây lắp bao gồm lương nhân viên quản lý đội thi công. Các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính theo tỷ lệ quy định trên tổng tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên quản lý đội, nhân viên kỹ thuật, kế toán đội thi công. Chi phí vật liệu. công cụ dùng quản lý đội. Chi phí khấu hao TSCĐ không phải là máy thi công sử dụng ở đội, chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK627:

Dùng để tập hợp chi phí và phân bổ chi phí sản xuất chung.

Kết cấu TK627

Bên Nợ: Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ

Bên Có: Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung

Tài khoản 627 cuối kỳ không có số dư.

Trình tự kế toán

Căn cứ bảng thanh toán tiền lương phải trả nhân viên quản lý tổ đội thi công, kế toán ghi:

Nợ TK 627(1): “ Chi phí nhân viên phân xưởng”

Có TK 334: “ Phải trả công nhân viên”

Khi trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất xây lắp, công nhân điều khiển máy, nhân viên quản lý đội, kế toán ghi:

Nợ TK 627(1): “ Chi phí nhân viên phân xưởng”

Có TK 338: “ Các khoản phải trả”

Căn cứ vào phiếu xuất kho vật liệu xây dựng ở tổ đội xây lắp, kế toán ghi:

Nợ TK 627: “ Chi phí sản xuất chung”

Có TK 152: “ Nguyên vật liệu”

Khi xuất kho công cụ dụng cụ sản xuất sử dụng ở tổ, đội xây dựng, kế toán ghi:

Nợ TK 627(3):

Có TK 153: “ Công cụ dụng cụ “

Khi tính khấu hao TSCĐ dùng ở tổ, đội xây dựng, kế toán ghi:

Nợ TK 627(4): “ Chi phí khấu hao TSCĐ”

Có TK 214: “ Khấu hao TSCĐ”

Khi tính dịch vụ mua ngoài sử dụng ở tổ đội xây dựng, kế toán ghi:

Nợ TK 627(7): “Chi phí dịch vụ mua ngoài”

Nợ TK 133(1): “ Thuế GTGT được khấu trừ”

Có TK 111, 112, 331...

Khi phát sinh chi phí bằng tiền khác ở tổ đội xây dựng, kế toán ghi:

Nợ TK 627: “ Chi phí khác bằng tiền”

Có TK 111, 112

Căn cứ chi phí sản xuất chung tập hợp cuối kỳ kế toán phân bổ, kết chuyển cho từng công trình, hạng mục công trình. Tùy theo từng doanh nghiệp có thể phân bổ theo chi phí nhân công trực tiếp, phân bổ theo định mức chi phí sản xuất chung.

	CPSX Chung phải	
Chi phí SXC phân	phân bổ	CP nhân công trực
bổ cho công trình, =	CPNC trực tiếp của	tiếp của công trình,
hạng mục công trình	các công trình,	hạng mục công trình.
	HMCT	

** Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất xây lắp:*

Trong quá trình hoạt động sản xuất xây lắp, chi phí sản thực tế phát sinh được tập hợp theo từng khoản mục chi phí. Cuối kỳ kế toán phải tổng hợp toàn

bộ chi phí sản xuất xây lắp phục vụ cho việc tính giá thành sp. Để tổng hợp chi phí sản xuất xây lắp kế toán sử dụng tài khoản 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” dùng để hạch toán, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ, lao vụ doanh nghiệp xây lắp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong hạch toán hàng tồn kho.

TK 154 được mở chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (đội sản xuất xây lắp) theo từng công trình, hạng mục công trình.

Nội dung, kết cấu của TK 154:

Bên Nợ: - Các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp công trình hoặc giá thành xây lắp theo giá khoán nội bộ.

- Giá thành xây lắp của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao.

Bên Có: - Chi phí sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao

Số dư bên Nợ: - Chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang cuối kỳ

Trình tự kế toán:

Cuối kỳ căn cứ bảng phân bổ vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, Chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung cho từng công trình, HMCT, kế toán ghi:

Nợ TK 154: “ CP SXKD Dở dang”

Có TK 621: “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Có TK 622: “ Chi phí nhân công trực tiếp”

Có TK 623: “ Chi phí sử dụng máy thi công”

Có TK 627: “ Chi phí sản xuất chung”

Cuối kỳ căn cứ vào giá thành thực tế công trình, HMCT hoàn thành bàn giao, kế toán ghi:

Nợ TK 632: “ Giá vốn hàng bán”

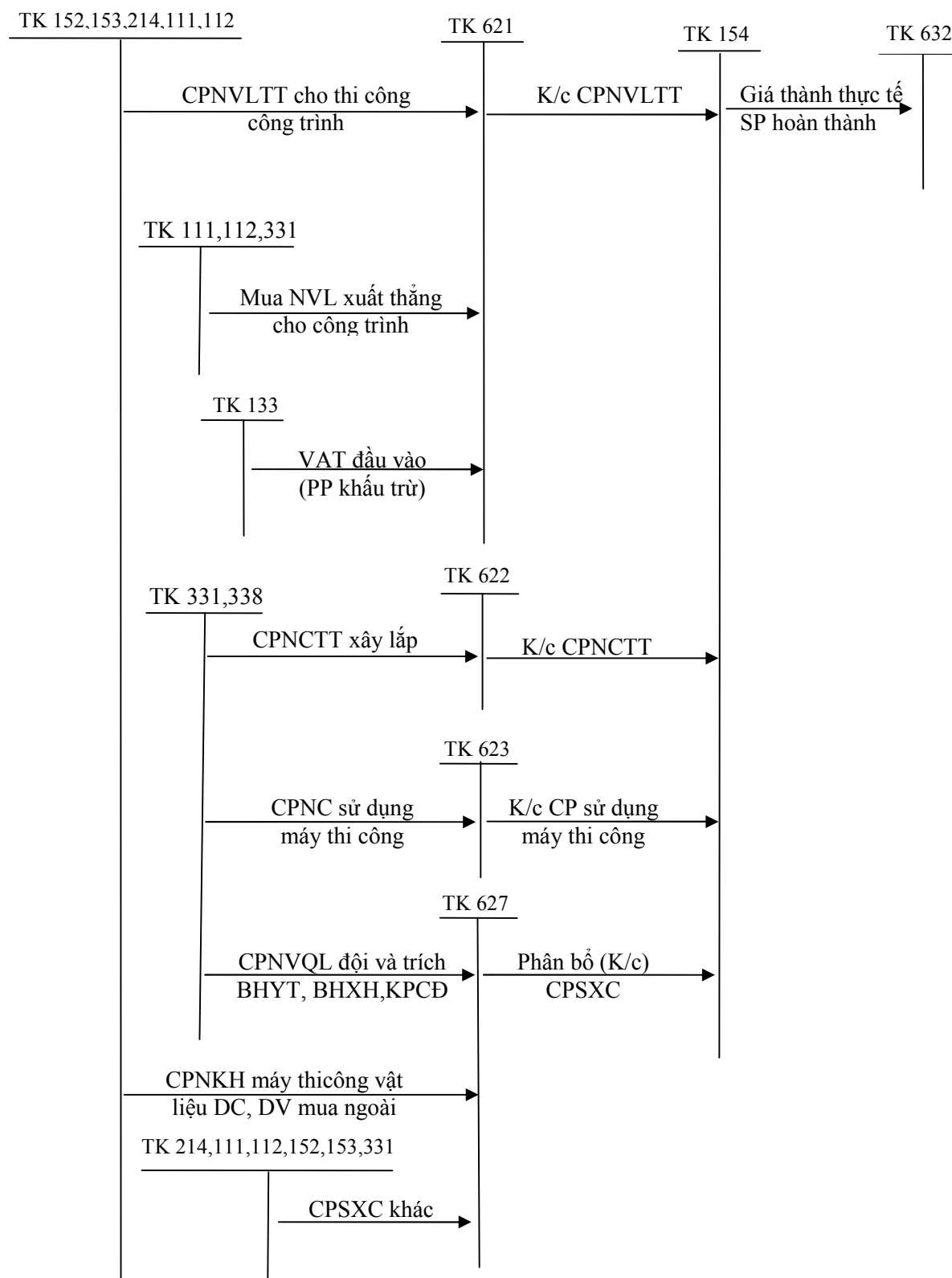
Có TK 154: “ CP SX KD dở dang”

Nếu công trình hoàn thành chờ bàn giao hoặc chưa bàn giao, kế toán ghi:

Nợ TK 155: “Thành phẩm”

Có TK 154: “ CP SX KD dở dang”

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY L



2.3.6. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất, gia công, chế biến trên các giai đoạn của quy trình công nghệ hoặc đã hoàn thành vài quy trình chế biến tiếp mới thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang trong các doanh nghiệp xây lắp có thể là công trình, HMCT dở dang chưa hoàn thành, khối lượng xây lắp thi công dở dang trong kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán xác định phần chi phí sản xuất mà sản phẩm dở dang cuối kỳ phải chịu.

Muốn đánh giá sản phẩm dở dang một cách chính xác khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ. Đồng thời phải xác định đúng đắn mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm so với khối lượng xây lắp hoàn thành theo quy ước ở từng giai đoạn thi công để xác định khối lượng xây lắp dở dang, phát hiện những tồn thất trong quá trình thi công.

Khi đánh giá sản phẩm làm dở, kế toán cần kết hợp chặt chẽ với bộ phận kỹ thuật bộ phận tổ chức lao động để xác định mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm dở dang một cách chính xác.

Trên cơ sở kết quả kiểm kê sản phẩm là dở đã tổng hợp, kế toán tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang.

Trong các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng một trong những phương pháp đánh giá sau đây:

**Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo dự toán:*

Theo phương pháp này chi phí thực tế của khối lượng xây lắp cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL DD} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL DD đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{của KLXL DD} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Chi phí của KLXL} \\ \text{hoàn thành bàn} \\ \text{giao trong kỳ theo} \\ \text{dự toán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí của} \\ \text{KLXL DD} \\ \text{cuối kỳ theo} \\ \text{dự toán} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí của} \\ \text{KLXL DD} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{theo dự} \\ \text{toán} \end{array}$$

** Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương:*

Phương pháp này chủ yếu áp dụng đối với việc đánh giá sản phẩm làm dở của công ty lắp đặt máy móc thiết bị. Theo phương pháp này chi phí thực tế của KLXL DD cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế KLXLDD cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí thực tế KLXLDD đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của KLXL thực hiện trong kỳ}}{\text{Chỉ phí theo dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Chỉ phí theo dự toán của KLXLDD cuối kỳ đã tính chuyển theo sản lượng hoàn thành tương đương}} \times \text{Chỉ phí theo dự toán của KLXL DD cuối kỳ đã tính chuyển theo sản lượng hoàn thành tương đương} \end{array}$$

** Đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán:*

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế KLXLDD cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí thực tế KLXL DD đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của KLXL phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Giá trị dự toán của KLXL DD cuối kỳ}} \times \text{Giá trị dự toán của KLXL DD cuối kỳ} \end{array}$$

2.3.7. Các phương pháp tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp:

** Phương pháp tính giá thành đơn giản: (Phương pháp trực tiếp)*

Đây là phương pháp tính giá thành được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay vì sản xuất thi công mang tính chất đơn chiếc. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với đối tượng tính giá thành. Hơn nữa áp dụng phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành trong mỗi kỳ báo cáo, cách tính đơn giản, dễ thực hiện.

Theo phương pháp này, tập hợp tất cả các chi phí sản phẩm phát sinh trực tiếp cho một công trình, HMCT từ khi khởi công cho đến lúc hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, HMCT đó.

Trong trường hợp công tình, HMCT chưa hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{của KLXL hoàn} \\ \text{thành bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chiphí thực tế} \\ \text{KLXL DD đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thực tế} \\ \text{KLXLDD} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trường hợp chi phí sản xuất tập hợp cho cả công tình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng HMCT thì kế toán căn cứ chi phí sản xuất của cả nhóm và hệ số kinh tế kỹ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế cho hạng mục công trình đó.

Nếu HMCT có thiết kế khác nhau, dự toán khác nhau nhưng cùng thi công trên một địa điểm do một đội đảm nhiệm nhưng không có điều kiện quản lý, theo dõi việc sử dụng các loại chi phí khác nhau cho từng loại chi phí khác nhau cho từng hạng mục công tình thì từng loại chi phí đã tập hợp trên toàn công trình đều phải phân bổ cho từng hạng mục công trình.

Khi đó giá thành thực tế của từng hạng mục công trình sẽ là: (Z_{tt})

$$Z_{tt} = G_{dti} \times T$$

Trong đó :

T là tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế

$$T = \frac{\sum c}{\sum G_{dt}} \times 100$$

$\sum c$: Là tổng chi phí thực tế của cả công trình.

G_{dti} : Là tổng giá trị dự toán của hạng mục công trình thứ i

$\sum G_{dti}$: Là tổng dự toán của tất cả các hạng mục công trình

** Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng*

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt

hàng, đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng là đơn đặt hàng đã hoàn thành. Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo mà khi đơn đặt hàng hoàn thành.

Theo phương pháp này hàng tháng chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng. Khi nào hoàn thành đơn đặt hàng thì chi phí sản xuất đơn đặt hàng tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

** Phương pháp tính giá thành theo định mức*

Phương pháp này áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp xây lắp có quy trình công nghệ ổn định, có hệ thống các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, dự toán chi phí hợp lý

Trình tự tính toán như sau:

+ Tính giá thành định mức trên cơ sở các định mức đơn giá tại một thời điểm tính giá thành, Tuỳ theo yêu cầu có thể tính giá thành định mức của từng hạng mục công trình hoặc cả công trình.

+ Xác định số chênh lệch do thay đổi định mức trong quá trình thi công (Chỉ cần tính số chênh lệch do thay đổi định mức đối với khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ).

Số chênh lệch do thay đổi định mức = Định mức cũ - Định mức mới.

+ Xác định số chênh lệch do thoát ly định mức đối với từng khoản mục chi phí:

Chênh lệch do thoát ly định mức = Chi phí thực tế - Chi phí định mức.

Giá thành thực tế được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch do} \\ \text{thực tế của} & & \text{định mức của} & & \text{thay đổi} & & \text{thoát ly} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{sản phẩm xây} & \pm & \text{đổi định} & \pm & \text{ly định} \\ \text{xây lắp} & & \text{lắp} & & \text{mức} & & \text{mức} \end{array}$$

Phương pháp này cho phép kiểm tra tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

** Phương pháp tổng cộng chi phí*

Phương pháp này cho phép kiểm tra tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

** Phương pháp tổng cộng chi phí*

Được áp dụng với các công trình, HMCT phải trải qua nhiều giai đoạn thi công.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{của toàn bộ công} \\ \text{trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí xây lắp} \\ \text{các giai đoạn} \end{array} \pm \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{KLXL} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} \text{DD} \pm \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế} \\ \text{KLXL} \\ \text{DD cuối kỳ} \end{array}$$

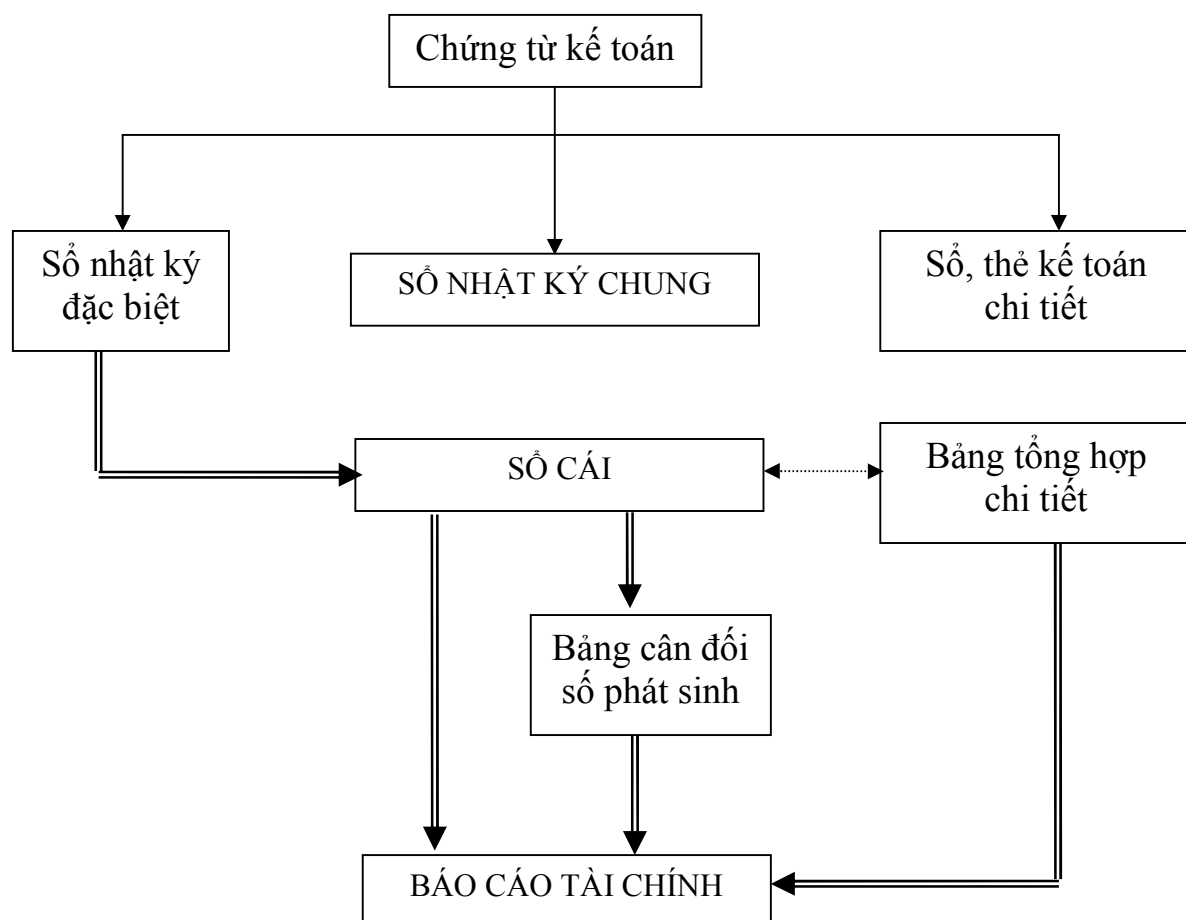
III. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

3.1. Hình thức nhật ký chung:

a. Đặc trưng:

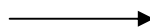
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh

- b. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật kí chung:



Ghi chú:

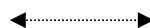
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



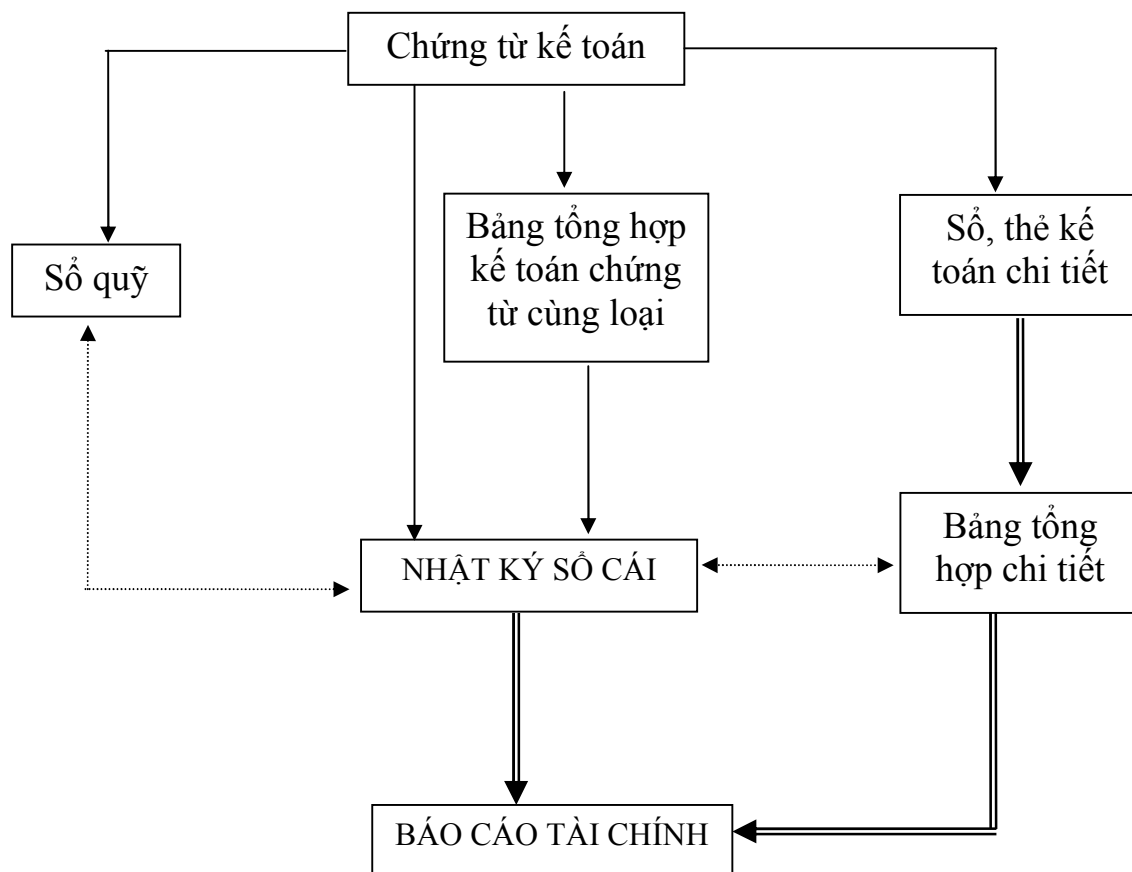
3.2. Hình thức kế toán Nhật kí - Sổ Cái

a. Đặc trưng

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật kí - Sổ Cái là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp với ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp

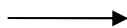
duy nhất là sổ Nhật Ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký - Sổ Cái



Ghi chú :

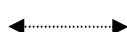
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp

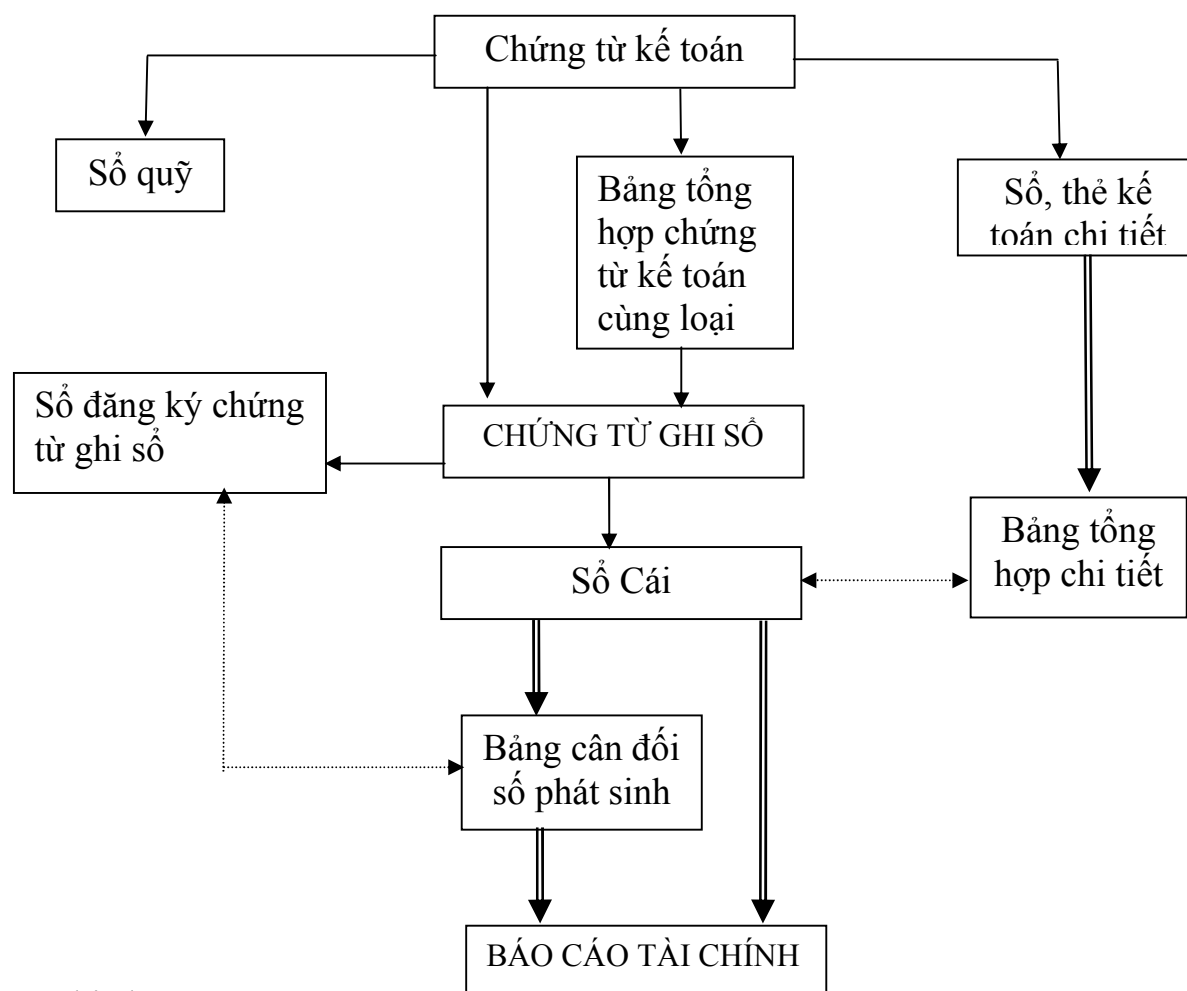
-Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ

-Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế

Chứng từ ghi sổ được đánh liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán .

b.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

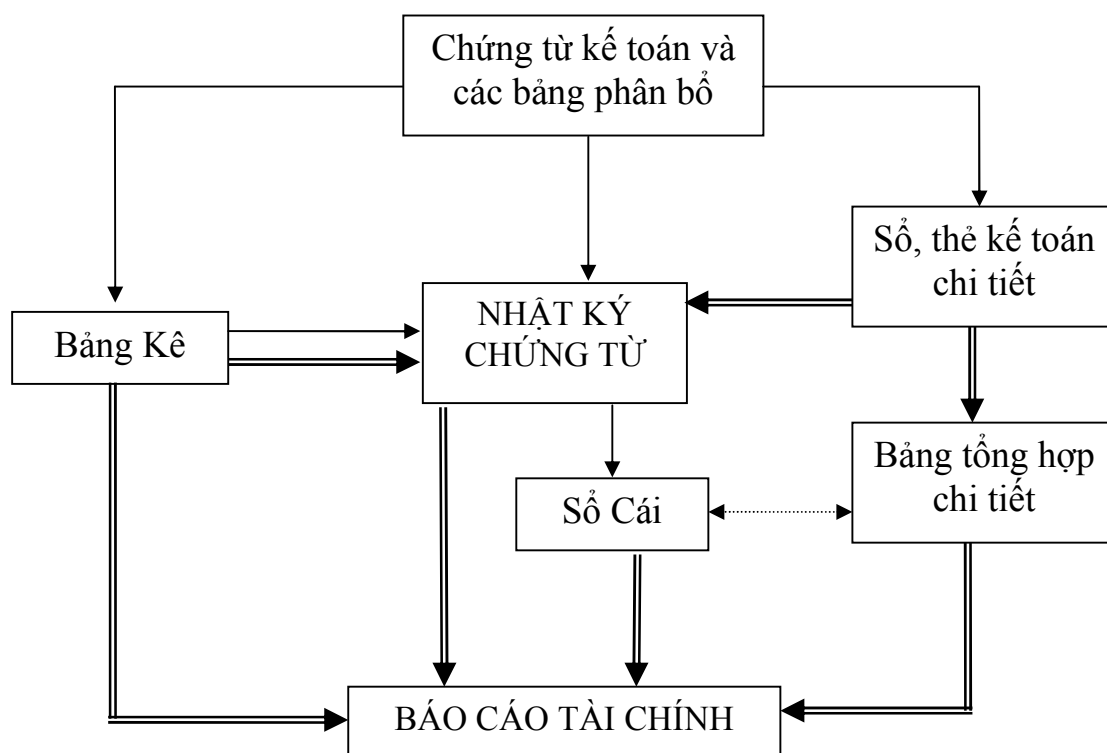
a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

b.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

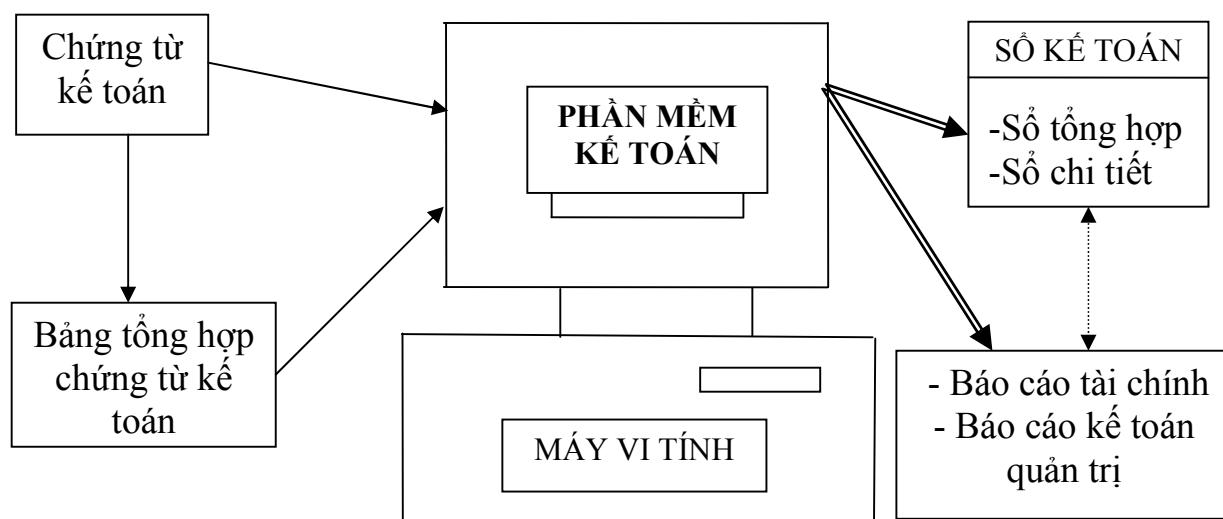
Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

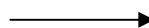
a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

b. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú

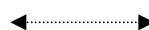
Nhập số liệu hàng



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



CHƯƠNG III

TÌNH HÌNH THỰC TẾ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP Ở CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG KHOA

3.1. Đặc điểm chi phí, phân loại chi phí sản xuất tại công ty:

Chi phí sản xuất ở công ty TNHH MTV PHƯƠNG KHOA nhiều khoản mục, mỗi khoản mục lại gồm nhiều loại chi phí cụ thể khác nhau. Việc hạch toán chi phí sản xuất theo từng loại sẽ nâng cao tính chất chi tiết của từng loại sẽ nâng cao tính chất chi tiết của từng thông tin hạch toán, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý nói chung đồng thời tạo điều kiện cho việc phấn đấu giảm chi phí sản xuất của doanh nghiệp để hạ giá thành sản phẩm. Trên cơ sở phân loại chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp. Doanh nghiệp đã phân loại chi phí sản xuất theo mục đích công dụng của chi phí, chi phí sản xuất bao gồm:

**** Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:***

Bao gồm toàn bộ các loại NVL cần thiết để tạo nên sản phẩm xây lắp: Nguyên vật liệu chính (Xi măng, sắt, gạch, thép, cát sỏi...); nguyên vật liệu phụ (Dây buộc thép, phụ gia bê tông, đinh, vật liệu luân chuyển: tôn tấm, đà giáo, cốt pha, giàn giáo...)

**** Chi phí nhân công trực tiếp:***

Bao gồm tiền lương chính, tiền lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương của công nhân trực tiếp xây lắp kể cả công nhân thuê ngoài, của công nhân phục vụ thi công, gồm cả tiền lương của công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng xây lắp và công nhân chuẩn bị thi công và thu dọn hiện trường.

**** Chi sử dụng máy thi công :***

- Đối với máy thi công của doanh nghiệp: Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm: Tiền lương cho công nhân điều khiển máy, xăng, dầu, mỡ, phục vụ máy: Chi phí sửa chữa, khấu hao máy thi công...

- Đối với máy móc thiết bị thi công do thuê ngoài: Xí nghiệp thường thuê theo kiểu trọn gói.

**** Chi phí sản xuất chung:***

Gồm tiền lương của nhân viên quản lý đội xây dựng, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp và nhân viên quản lý đội và những chi phí khác liên quan tới hoạt động của đội.

3.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất:

Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là khâu đầu tiên quan trọng trong toàn bộ công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Căn cứ vào đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ, sản xuất sản phẩm và yêu cầu quản lý của mình mà đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty TNHH MTV Phương Khoa là từng đơn đặt hàng (Công trình, hạng mục công trình). Từng đơn đặt hàng đều được theo dõi chi tiết các chi phí sản xuất theo khoản mục: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí sử dụng máy thi công; chi phí sản xuất chung.

3.3. Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất:

** Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:*

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp. Vì vậy việc hạch toán chi phí này chính xác và đầy đủ có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định lượng chi phí thực tế tiêu hao trong thi công, đồng thời đảm bảo cho tính chính xác giá thành sản phẩm xây lắp .

Do công ty có nhiều đội xây dựng khác nhau và thi công các công trình nằm rải rác ở nhiều nơi, hơn nữa doanh nghiệp lại tiến hành giao khoán tới từng đội nên mỗi công trình có tổ chức một kho vật liệu riêng để thuận lợi cho việc quản lý vật tư và tiết kiệm chi phí vận chuyển việc nhập xuất nguyên liệu diễn ra ngay tại công trường.

Căn cứ vào kế hoạch thi công đội xây dựng chủ động mua vật liệu sử dụng vật tư đồng thời có biện pháp quản lý sao cho thích hợp để tiết kiệm vật tư.

Vật tư mua về sẽ nhập kho công trình. Nhân viên kinh tế đội, thủ kho công trình, kỹ thuật xây dựng tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại vật tư theo đúng yêu cầu. Sau khi kiểm tra nếu hợp lý thì thủ kho tiến hành lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập được thành lập 3 liên, một liên thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho, một liên giao cho người giao hàng, còn một liên kẹp cùng với hoá đơn giá trị gia tăng chuyển lên phòng kế toán công ty để làm căn cứ hạch toán và ghi vào sổ kế toán. Khi có nhu cầu nguyên vật liệu dùng cho thi công công trình, các tổ trưởng viết giấy đề nghị lĩnh vật tư có xác nhận của nhân viên kỹ thuật và chủ nhiệm công trình. Căn cứ vào đó thủ kho sẽ viết phiếu xuất kho và giao cho người nhận khi người nhận xong ký vào phiếu và giao lại cho thủ kho, thủ kho tiến hành xuất kho theo đúng số lượng ghi trên phiếu xuất.

Phiếu xuất kho được lập làm 2 liên, một liên để thủ kho giữ làm căn cứ để vào thẻ kho, một liên gửi về phòng kế toán để nhân viên kế toán xí nghiệp hạch toán và ghi vào sổ. Công ty TNHH MTV Phương Khoa áp dụng đơn giá vật liệu xuất kho theo phương pháp đích danh.

Để theo dõi quá trình biến động vật tư tại kho, doanh nghiệp sử dụng thẻ kho để theo dõi số lượng vật tư tồn kho đầu kỳ, nhập kho trong kỳ, xuất kho trong kỳ, tồn kho cuối kỳ.

Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập xuất vật tư thực tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ nhập xuất vật tư thủ kho ghi số lượng nhập xuất vật tư tồn kho để ghi vào cột tồn của thẻ kho. Nhân viên kinh tế dưới đội kiểm tra phiếu nhập kho, phiếu xuất kho vật tư và cuối tháng toàn bộ chứng từ được gửi lên phòng kế toán của doanh nghiệp.

Giá trị vật liệu nhập thường với số lượng lớn nên nhân viên của đội đi mua vật tư thường thoả thuận với đơn vị bán là vận chuyển tới kho công trình. Trong đơn giá vật tư mua vào đã được tính gộp cả chi phí vận chuyển riêng ngoài đơn giá mua, nhân viên kinh tế đội cộng chi phí vận chuyển với giá trị mua rồi chia cho số lượng để tính được một đơn giá bao gồm cả chi phí vận chuyển thu mua.

Do việc cung cấp vật tư ở dưới các kho công trình đều dựa vào tiêu chuẩn, hạn mức và tiến độ thi công công trình. Nếu lượng vật tư nhập vào tháng nào thường là dùng hết trong tháng đó, lượng vật tư tồn kho cuối tháng là rất ít, thậm chí là không có.

Cuối tháng nhân viên kinh tế đội tiến hành kiểm kê kho vật tư để xác định số vật tư còn lại và kiểm tra xem có bị mất mát thiếu hụt không. Sau khi thực hiện xong công việc kiểm kê nhân viên kinh tế đội lập biên bản kiểm kê có xác nhận của đội trưởng và nhân viên kỹ thuật và chuyển toàn bộ chứng từ về phòng kế toán xí nghiệp. Để thực hiện yêu cầu quản lý vật tư, căn cứ vào các chứng từ nhập xuất vật tư, thẻ kho biên bản kiểm kê kho vật tư, kế toán tiến hành tổng hợp số liệu về nhập xuất tồn kho vật tư. Bảng này được lập cho từng tháng và cho từng kho của từng công trình. Kế toán cũng căn cứ vào số liệu tổng cộng của các phiếu nhập kho và phiếu xuất kho để tiến hành hạch toán và ghi sổ kế toán.

Căn cứ vào Phiếu xuất kho nguyên vật liệu, phiếu chi, Bảng định mức nguyên vật liệu sử dụng,

Trình tự hạch toán:

Ngày 05/12 xuất kho NVL Thép sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0015/NVL trị giá 24.394.500

Nợ TK 621 : 24.394.500

Có TK 1521 : 24.394.500

Ngày 08/12 xuất kho NVL Sắt Fi 2 sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0016/NVL trị giá 13.750.000

Nợ TK 621 : 13.750.000

Có TK 1521 : 13.750.000

Ngày 10/12 mua NVL Cát, Gạch ống, Xi Holom sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0017/NVL trị giá 4.113.000, chưa bao gồm thuế GTGT 10%

Nợ TK 621 : 4.113.000

Nợ TK 133 : 411.300

Có TK 1521: 4.524.300

Ngày 11/12 mua NVL gồm BCC907VN Trắng, Lava L2395V Trắng, C306VT+L284 Trắng sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0018/NVL trị giá 6.030.200, bao gồm 10% thuế GTGT

Nợ TK 621 : 5.482.000

Nợ TK 133 : 548.200

Có TK 1521 : 6.030.200

Ngày 12/12 mua NVL gồm Đèn HO 1x40W, Ballast 40W, máng đèn 1m20, chuột đèn, ổ cắm Ba, Banolen sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0019/NVL trị giá 976.727, bao gồm 10% thuế GTGT

Nợ TK 621: 882.480

Nợ TK 133: 88.248

Có TK 1521: 970.728

Ngày 14/12 xuất kho NVL Xi Holum sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0020/NVL trị giá 1.240.000

Nợ TK 621 : 1.240.000

Có TK 1521: 1.240.000

Ngày 16/12 xuất kho NVL Đá sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0021/NVL trị giá 9.180.000

Nợ TK 621 : 9.180.000

Có TK 1521: 9.180.000

Ngày 18/12 xuất kho NVL Sắt Fi3 sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0022/NVL, trị giá: 7.600.000,

Nợ TK 621 : 7.600.000

Có TK 1521: 7.600.000

Ngày 20/12 Mua NVL Gạch ống 8x 18 sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0023/NVL, HĐ: 0131883 trị giá 5.699.180

Nợ TK 621 : 5.181.800

Nợ TK: 133: 518.180

Có TK 1521: 5.699.980

Ngày 23/12 xuất kho NVL Gạch Men sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo

P XK 0024/NVL trị giá 13.500.000

Nợ TK 621 : 13.500.000

Có TK 1521: 13.500.000

Ngày 25/12 xuất kho NVL Đá sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0025/NVL trị giá 6.300.000

Nợ TK 621 : 6.300.000

Có TK 1521: 6.300.000

Ngày 28/12 xuất kho NVL Sơn sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0026/NVL trị giá 1.928.000

Nợ TK 621 : 1.928.000

Có TK 1521: 1.928.000

Ngày 29/12 Mua NVL Thép Hộp vuông + Tôn sơn SV sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0027/NVL, HĐ: 0034752. Bao gồm thuế GTGT 10% trị giá 15.986.300

Nợ TK 621 : 14.533.000

Nợ TK 133: 1.453.300

Có TK 1521: 15.986.300

Ngày 30/12 xuất kho NVL Vôi sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0028/NVL trị giá 980.000

Nợ TK 621 : 980.000

Có TK 1521: 980.000

Ngày 31/12 Mua NVL Sắt 12g sử dụng trực tiếp cho công trình An Phú theo P XK 0029/NVL, HĐ: 0068411 trị giá 2.599.850. Bao gồm thuế GTGT 10%.

Nợ TK 621 : 2.363.500

Nợ 133: 236.350

Có TK 1521: 2.599.850

Cuối kỳ kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sang TK 154 cho công trình An Phú.

Nợ TK 154 :96.895.480

Có TK 621: 96.895.480

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán vào bảng kê vật liệu

CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG KHOA

Địa chỉ: 49/5/8 – Đ TCH16 – KP9 – P. Tân Chánh Hiệp – Q12 - HCM

BẢNG KÊ VẬT LIỆU XUẤT

Tháng 12/2010

Sử dụng cho công trình : Công ty Cổ phần Ô tô An Phú

Địa chỉ: 145A – Quốc lộ 1A – P Thới An – Q12

Nợ TK 621

Có TK 152

ĐVT: Đồng

PHIẾU XẤT		TÊN CÔNG TRÌNH
Số	Ngày	Công ty Cổ phần Ô tô An Phú
1	05/12	24.394.500
2	08/12	13.750.000
3	10/12	4.524.300
4	11/12	6.030.206
5	12/12	970.728
6	14/12	1.240.000
7	16/12	9.180.000
8	18/12	7.600.000
9	20/12	5.699.980
10	23/12	13.500.000
11	25/12	6.300.000
12	28/12	1.928.000
13	29/12	15.986.300
14	30/12	980.000
15	31/12	2.599.850
16	Cộng	114.683.864

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán

(Ký, họ tên)

Cao đẳng nghề số 8 Tài chính – Kế Toán

Đơn vị: **CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG KHOA.**

Địa chỉ: 49/5/8, Đường TCH, KP9 16, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM

SỔ CHI TIẾT

Công trình: Công ty Cổ Phần Ô tô An Phú.145A. Quốc lộ 1A P. Thới An, Q12

TK 621- chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

(Năm 2010)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
05/01	0015/NVL	05/01	Xuất dùng NVL Thép	1521	24.394.500	
08/12	0016/NVL	08/12	Xuất dùng NVL Sắt Fi 2	1521	13.750.000	
10/12	0017/NVL	10/12	Xuất dùng NVL Cát	1521	1.720.000	
10/12	0017/NVL	10/12	Xuất dùng NVL Gạch ống	1521	1.773.200	
10/12	0017/NVL	10/12	Xuất dùng NVL Xi Holum	1521	620.000	
11/12	0018/NVL	11/12	Xuất dùng NVL BCC907VN Trắng	1521	3.639.000	
11/12	0018/NVL	11/12	Xuất dùng NVL Lava L2395V Trắng	1521	400.000	
11/12	0018/NVL	11/12	Xuất dùng NVL C306VT+L284 Trắng	1521	1.443.000	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Đèn HO 1x40W	1521	105.000	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Ballast 40W	1521	105.000	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Máng Đèn 1m20	1521	82.800	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Chuột Đèn	1521	105.000	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL ổ Cắm Ba	1521	453.180	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Bano Len	1521	31.500	
14/12	0020/NVL	14/12	Xuất dùng NVL Hiholum	1521	1.240.000	
16/12	0021/NVL	16/12	Xuất dùng NVL Đá	1521	9.180.000	
18/12	0022/NVL	18/12	Xuất dùng NVL Sắt Fi 3	1521	7.600.000	
20/12	0023/NVL	20/12	Xuất dùng NVL Gạch Ống 8x18	1521	5.181.800	
23/12	0024/NVL	23/12	Xuất dùng NVL Gạch Men	1521	13.500.000	
25/12	0025/NVL	25/12	Xuất dùng NVL Đá	1521	6.300.000	
28/12	0026/NVL	28/12	Xuất dùng NVL Sơn	1521	1.928.000	
29/12	0027/NVL	29/12	Xuất dùng NVL Thép Hộp vuông + Tôn Sơn	1521	14.533.000	
30/12	0028/NVL	30/12	Xuất dùng NVL Vôi	1521	980.000	
31/12	0029/NVL	31/12	Xuất dùng NVL sắt 12G	1521	2.363.500	
31/12	PKT002	31/12	KC CF SXKD DD	154		96.895.480
cộng					96.895.480	96.895.480

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Đơn vị: **CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG KHOA.**
Địa chỉ: 49/5/8, Đường TCH, KP9 16, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Tên Tài Khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. **Số Hiệu:** 621
(Năm 2010)

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Dư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
05/12	0015/NVL	05/12	Xuất dùng NVL Thép	1521	24.394.500	
08/12	0016/NVL	08/12	Xuất dùng NVL Sắt Fi 2	1521	13.750.000	
10/12	0017/NVL	10/12	Xuất dùng NVL Cát	1521	1.720.000	
10/12	0017/NVL	10/12	Xuất dùng NVL Gạch ống	1521	1.773.200	
10/12	0017/NVL	10/12	Xuất dùng NVL Xi Holum	1521	620.000	
11/12	0018/NVL	11/12	Xuất dùng NVL BCC907VN Trắng	1521	3.639.000	
11/12	0018/NVL	11/12	Xuất dùng NVL Lava L2395V Trắng	1521	400.000	
11/12	0018/NVL	11/12	Xuất dùng NVL C306VT+L284 Trắng	1521	1.443.000	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Đèn HO 1x40W	1521	105.000	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Ballast 40W	1521	105.000	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Máng Đèn 1m20	1521	82.800	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Chuột Đèn	1521	105.000	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL ổ Cắm Ba	1521	453.180	
12/12	0019/NVL	12/12	Xuất dùng NVL Bano Len	1521	31.500	
14/12	0020/NVL	14/12	Xuất dùng NVL Hiholum	1521	1.240.000	
16/12	0021/NVL	16/12	Xuất dùng NVL Đá	1521	9.180.000	
18/12	0022/NVL	18/12	Xuất dùng NVL Sắt Fi 3	1521	7.600.000	
20/12	0023/NVL	20/12	Xuất dùng NVL Gạch Ống 8x18	1521	5.181.800	
23/12	0024/NVL	23/12	Xuất dùng NVL Gạch Men	1521	13.500.000	
25/12	0025/NVL	25/12	Xuất dùng NVL Đá		6.300.000	
28/12	0026/NVL	28/12	Xuất dùng NVL Sơn	1521	1.928.000	
29/12	0027/NVL	29/12	Xuất dùng NVL Thép Hộp vuông + Tôn Sơn	1521	14.533.000	
30/12	0028/NVL	30/12	Xuất dùng NVL Vôi	1521	980.000	
31/12	0029/NVL	31/12	Xuất dùng NVL sắt 12G	1521	2.363.500	
31/12	PKT002	31/12	KC CF SXKD DD	154		96.895.480
cộng					96.895.480	96.895.480

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV
PHƯƠNG KHOA**

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHI TIẾT
Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Số hiệu: 621
(Năm 2010).

MẶT HÀNG	NHẬP	XUẤT	TÒN
Thép	24.394.500	24.394.500	0
Sắt Fi 2	13.750.000	13.750.000	0
Cát	1.720.000	1.720.000	0
Gạch ống	1.773.200	1.773.200	0
Xi Holum	620.000	620.000	0
BCC907VN Trắng+ Lava L2395V Trắng	3.639.000	3.639.000	0
Lava L2395V Trắng	400.000	400.000	0
C306VT+L284 Trắng	1.443.000	1.443.000	0
Đèn HO 1x40W	105.000	105.000	0
Ballast 40W	105.000	105.000	0
Máng Đèn 1m20	82.800	82.800	0
Chuột Đèn	105.000	105.000	0
ô Cẩm Ba	453.180	453.180	0
Bano Len	31.500	31.500	0
Hiholum	1.240.000	1.240.000	0
Đá	9.180.000	9.180.000	0
Sắt Fi 3	7.600.000	7.600.000	0
Gạch Ống 8x18	5.181.000	5.181.000	0
Gạch Men	13.500.000	13.500.000	0
Đá	6.300.000	6.300.000	
Sơn	1.928.000	1.928.000	0
Thép Hộp vuông + Tôn Sơn	14.533.000	14.533.000	0
Vôi	980.000	980.000	0
sắt 12G	2.363.500	2.363.500	0
cộng	96.895.480	96.895.480	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Đội trưởng

Kế Toán Trưởng

Giám đốc

*** Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp:**

Chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH MTV Phương Khoa chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng số giá thành sản phẩm xây lắp. Doanh nghiệp rất chú trọng đến chất lượng của công tác hạch toán chi phí nhân công trực tiếp. Vì nó không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người lao động, đến việc tính lương và trả lương cho người lao động.

Ở công ty TNHH MTV Phương Khoa, khoản mục chi phí nhân công trực tiếp bao gồm: Tiền lương chính, tiền lương phụ, phụ cấp của công nhân trực tiếp tham gia vào quá trình xây lắp tại công ty không phải là công nhân trong danh sách của doanh nghiệp mà là công nhân thuê ngoài theo hợp đồng và chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán vào TK 622.

Tuy nhiên, khoản mục chi phí nhân công trực tiếp của công ty không bao gồm tiền lương của công nhân điều khiển máy thi công - bộ phận quản lý đội gồm: Đội trưởng phụ trách kỹ thuật và nhân viên kinh tế đội mới phụ thuộc danh sách của công ty tiền lương của bộ phận này được hạch toán vào TK 627 - Chi phí sản xuất chung.

Hiện nay TNHH MTV Phương Khoa áp dụng hai hình thức trả lương: trả lương theo thời gian và lương khoán theo sản phẩm.

Hình thức trả lương theo thời gian được áp dụng cho bộ máy quản lý doanh nghiệp và bộ phận quản lý chỉ đạo sản xuất thi công ở các đội và các công nhân tạp vụ trên công trường.

Hình thức trả lương khoán theo sản phẩm áp dụng cho công trình trực tiếp tham gia thi công công trình theo từng khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá nhân công khoán.

Công ty đã khoán cả công trình cho đội xây dựng nên đội chủ động độc lập quản lý về vật tư và nhân công. Hiện nay lao động của doanh nghiệp gồm hai loại: Lao động trong danh sách (trong biên chế doanh nghiệp). Lao động ngoài danh sách tùy theo khối lượng công việc, tiến độ thi công của công trình mà đội xây dựng chủ động thuê tại địa phương nơi có công trình đội đang thi công.

Để hạch toán khoản phải trả công nhân viên trong và ngoài danh sách kế toán doanh nghiệp mở tài khoản cấp 2: 334(1) - Tiền lương phải trả công nhân viên trong danh sách và TK 334 - Tiền lương phải trả công nhân viên.

Khoản kinh phí công đoàn trích trên tiền lương của công nhân viên trực tiếp sản xuất được hạch toán vào TK 622 với bút toán:

Nợ TK 622

Có TK 338(2)

Về nguyên tắc khoản KPCĐ trích trên tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất phải hạch toán vào TK 627- Chi phí sản xuất chung.

Do doanh nghiệp đã thực hiện khoán gọn cho các đội, hơn nữa nhiều công trình mà đội thi công lại ở xa. Cho nên để giảm bớt được một số khoản phải chi

phí, doanh nghiệp cho phép các đội được thuê công nhân ngoài tại địa phương khi cần. Toàn bộ công nhân trực tiếp sản xuất ở các đội đều là công nhân thuê ngoài (Hợp đồng ngắn hạn).

Thông thường các đội thường thuê công nhân bên ngoài theo từng tổ, tùy theo tiến độ thi công và khối lượng công việc mà quy định số người trong tổ. Các tổ trưởng theo dõi tình hình lao động của công nhân trong tổ và chấm công vào bảng chấm công, có xác nhận của đội trưởng.

Cuối tháng, căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành trong tháng, bảng thành toán khối lượng (Có xác nhận của nhân viên kỹ thuật, đội trưởng đội xây dựng và bảng chấm công thanh toán lương cho từng tổ. Nhân viên kinh tế đội tiến hành tính lương cho từng người trong tổ và lập bảng thanh toán lương cho từng tổ. Khi tính lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất doanh nghiệp không trích BHYT, BHXH nhưng lại trích 2% kinh phí công đoàn trên thu nhập của họ, trong đó 1% tính vào chi phí kinh doanh còn 1% trừ vào thu nhập của người lao động.

Cuối tháng nhân viên kinh tế đội chuyển bảng chấm công, Bảng thanh toán lương của từng tổ lên công ty. Kế toán tiền lương công ty tiến hành kiểm tra tính toán lại và lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm cho cả đội.

Số liệu trên bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm là căn cứ để kế toán ghi bút toán tính lương vào tờ chứng từ gốc quy định của công ty. Dựa vào chứng từ đó kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 622.

Căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm tháng 12 năm 2010 của công trình An Phú - Quốc lộ 1A -Q12. Kế toán hạch toán như sau:

Ngày 29/12 chi tiền mặt trả tiền suất ăn công nhân cho nhà hàng Hoàng Gia số tiền : 3.638.636 theo PC 035.

Nợ TK 622: 3.638.636

Có TK 111: 3.638.636

Ngày 30/12 tạm ứng để thanh toán lương cho CNV số tiền 30.800.000, PC0036

Nợ TK 334 : 30.800.000

Có TK 141: 30.800.000

Cuối tháng kế toán lập bút toán kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp sang TK 154(1) cho công trình An Phú :

Nợ TK 154(1): 34.438.636

Có TK 622: 34.438.636

Số liệu ở bút toán này được ghi vào sổ cái TK 154

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

PHIẾU CHI

Quyển số:....

Số: 0035.

Mẫu số C21 – HQĐ

số:999-TC/QĐ/CDKT

Ngày 2 tháng 11 năm

2000 của Bộ Tài Chính

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

NỢ..622

CÓ.....111

Họ và tên người nhận tiền: Nhà hàng Hoàng Gia

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – P. Thới An . Q12

Lý do chi: Tạm ứng thanh toán tiền ăn tháng 12 cho CNV

Số tiền: **3.638.636**.....(*Viết bằng chữ*). **Ba triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm ba sáu đồng chẵn.**

Kèm theo:.....Chứng từ gốc:.....

.....Đã nhận đủ số tiền (*Viết bằng chữ*).....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nộp

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc đá quý):

+Số tiền qui đổi:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

PHIẾU CHI

Quyển số:....

Số:0036

Mẫu số C21 – HQĐ

số: 999-TC/QĐ/CĐKT

Ngày 2 tháng 11 năm

2000 của Bộ Tài Chính

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

NỢ..334.

CÓ.....141

Họ và tên người nhận tiền: Anh Nguyễn Hải Long

Địa chỉ: ĐTC Xây dựng công trình An Phú Q12

Lý do chi: Tạm ứng để thanh toán lương tháng 12 cho CNV

Số tiền: **30.800.000**.....(*Viết bằng chữ*). **Ba mươi triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.**

Kèm theo:.....Chứng từ gốc:.....

.....Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ).....

.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc đá quý):

+Số tiền qui đổi:

Đơn vị: **CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG KHOA.**

Địa chỉ: 49/5/8, Đường TCH 16, KP9, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM

SỔ CHI TIẾT

TK 622- chi phí nhân công trực tiếp.

(2010)

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Dư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
29/12	PC035	29/12	Suất ăn công nhân	111	3.638.636	
30/12	PC036	30/12	Tạm ứng lương T12 thanh toán cho công nhân	334	30.800.000	
31/01	PC036	31/01	KC CF SXKD DD	154		34.438.636
CỘNG					34.438.636	34.438.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Đơn vị: **CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG KHOA.**

Địa chỉ: 49/5/8, Đường TCH 16, KP9, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

SỐ HIỆU: 622

Tên Tài Khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Dư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
29/12	PC035	29/12	Suất ăn công nhân	331	3.638.636	
30/12	PC036	30/12	Tạm ứng Lương T12 thanh toán cho công nhân	334	30.800.000	
31/12	PC036	31/12	KC CF SXKD DD	154		34.438.636
CỘNG					34.438.636	34.438.636
SỐ DƯ CUỐI					X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

*** Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công:**

Chi phí sử dụng máy thi công ở doanh nghiệp là những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng công việc xây lắp, doanh nghiệp không tổ chức đội máy thi công riêng, nhân viên điều khiển máy thi công thuộc biên chế của doanh nghiệp nên chi phí sử dụng máy thi công không bao gồm tiền lương của công nhân điều khiển máy.

Mỗi một máy thi công được giao cho doanh nghiệp theo một nguyên giá nhất định. Doanh nghiệp không tính tỷ lệ khấu hao nhất định đối với từng loại máy móc mà công ty tính một mức khấu hao nhất định đối với từng loại máy trong một năm. Cuối mỗi tháng doanh nghiệp báo Nợ tiền khấu hao máy móc thi công sang công ty. Khi có phát sinh chi phí sửa chữa thường xuyên thì doanh nghiệp tự sửa chữa. Doanh nghiệp có quy chế riêng về quản lý và sử dụng máy móc thiết bị cho các đội.

Khi các đội sử dụng thì căn cứ vào đơn giá, số lượng, thời gian sử dụng để xác định chi phí về sử dụng máy thi công mà đội phải bỏ ra để thực hiện xây lắp công trình hoặc hạng mục công trình.

Chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán vào TK 623. Doanh nghiệp mở sổ chi tiết cho TK 623 cho từng công trình và sổ chi tiết TK 623 được mở cho cả năm. Nhưng sổ cái TK 623 không theo dõi chi tiết theo từng yếu tố thuộc khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Do vậy, làm cho việc theo dõi và quản lý các yếu tố chi phí này rất khó khăn khi dẫn đến nhầm lẫn. Nhiều khi máy móc thiết bị dùng cho thi công của xí nghiệp không đủ phục vụ cho thi công hoặc công trình ở xa mà chi phí vận chuyển lớn thì các đội thuê luôn cả máy móc, người điều khiển và các loại vật tư chạy máy (thuê trọn gói). Máy thi công thuê cho công trình nào sử dụng thì được hạch toán vào chi phí sản xuất của công trình đó, cho phí thuê máy thi công sẽ được hạch toán vào TK 623 chi tiết trên Tk cấp 2: TK623(7) - Chi phí dịch vụ mua ngoài.

Chứng từ để hạch toán chi phí thuê máy là biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy và biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, phiếu chi, PKT.

***Trình tự hạch toán:**

Ngày 10/12 chi tạm ứng cho nhân viên Long để thuê sử dụng máy thi công số tiền 3.500.000 theo PC 036

Nợ TK 623: 3.500.000

Có TK 141: 3.500.000

Ngày 23/12 chi tạm ứng cho nhân viên Tuấn để thuê sử dụng máy thi công số tiền 5.500.000 theo PC 037

Nợ TK 623: 5.500.000

Có TK 141: 5.500.000

Ngày 30/12 chi trả lương cho công nhân điều hành máy thi công

Nợ TK 623: 20.200.000

Có TK 334: 20.200.000

Cuối tháng kế toán kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công cho công trình An Phú.

Nợ TK 154: 29.200.000

Có TK 623: 29.200.000

Đơn Vị : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG KHOA

Địa Chỉ : 49/5/8, Đường TCH, KP9 16, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM

PHIẾU CHI Số: PC036

Ngày 10 tháng 12 năm 2010 Nợ 623

Có 141

Họ tên người nhận tiền : PHẠM TIẾN LONG

Địa chỉ :

Lý do chi : chi tạm ứng tiền để thuê sử dụng máy thi công

Số tiền : 3.500.000

Viết bằng chữ : Hai triệu ba trăm nghìn đồng.

Kèm theo : Chứng từ gốc

Người nhận tiền
(ký tên, họ tên)

Thủ quỹ
(ký tên, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)

Giám đốc
(ký tên, họ tên)

Đơn Vị : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG KHOA

Địa Chỉ : 49/5/8, Đường TCH, KP9 16, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM

PHIẾU CHI Số: PC037

Ngày 23 tháng 12 năm 2010 Nợ 623

Có 141

Họ tên người nhận tiền : LÊ MẠNH TUẤN

Địa chỉ :

Lý do chi : chi tạm ứng tiền để thuê sử dụng máy thi công

Số tiền : 5.500.000

Viết bằng chữ : Năm triệu năm trăm nghìn đồng.

Kèm theo : Chứng từ gốc

Người nhận tiền
(ký tên, họ tên)

Thủ quỹ
(ký tên, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)

Giám đốc
(ký tên, họ tên)

SỔ CHI TIẾT

TK 623- chi phí sử dụng máy thi công

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Dư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
10/12	PC036	10/12	Nhân viên Long tạm ứng tiền để thuê sử dụng máy thi công	141	3.500.000	
23/12	PC037	23/12	Nhân viên Tuấn tạm ứng tiền để chi sử dụng máy thi công	141	5.500.000	
30/12	PKT0 06	30/12	Lương phải trả cho công nhân điều hành máy thi công	334	20.200.000	
31/12	PKT0 07	31/12	KC CF SXKD DD	154		29.200.000
CỘNG					29.200.000	29.200.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Đơn vị: **CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG KHOA.**

Địa chỉ: 49/5/8, Đường TCH 16, KP9, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

SỐ HIỆU: 623

Tên Tài Khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Dư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
10/12	PC036	10/12	Nhân viên Long tạm ứng tiền để thuê sử dụng máy thi công	141	3.500.000	
23/12	PC037	23/12	Nhân viên Tuấn tạm ứng tiền để chi sử dụng máy thi công	141	5.500.000	
30/12	PKT006	30/12	Lương phải trả cho công nhân điều hành máy thi công	334	20.200.000	
31/12	PKT007	31/12	KC CF SXKD DD	154		29.200.000
CỘNG					29.200.000	29.200.000
SỐ DƯ CUỐI					X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

** Tập hợp chi phí sản xuất chung:*

Công ty TNHH MTV Phương Khoa chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý đội, công trình (Đội trưởng, nhân viên kế toán đội, thủ kho, bảo vệ...)
- Chi phí vật liệu.
- Chi phí dụng cụ sản xuất.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

Những yếu tố chi phí này phát sinh trong từng đội xây dựng, mà mỗi đội doanh nghiệp chỉ giao cho thực hiện một công trình, nên các chi phí này phát sinh ở đội công trình nào thì được hạch toán trực tiếp cho công trình đó.

Cuối tháng nhân viên kinh tế đội chuyên toàn bộ các chứng từ liên quan đến các khoản chi phí trên về phòng kế toán công ty. Kế toán công ty tiến hành kiểm tra, đối chiếu và tính toán lại sau đó hạch toán và ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái và sổ chi tiết TK 627.

Để hạch toán các yếu tố chi phí trên, tương ứng với mỗi yếu tố chi phí kế toán xí nghiệp sử dụng TK cấp 2 tương ứng.

Trình tự tập hợp chi phí sản xuất chung như sau:

+ Chi phí nhân viên quản lý đội: Bao gồm tiền lương chính, lương phụ và phụ cấp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương của nhân viên quản lý đội, công trình như: Đội trưởng, nhân viên thống kê, thủ kho, bảo vệ

Đối với công nhân trong danh sách doanh nghiệp trích 28.5% BHXH trên lương cơ bản trong đó 16% doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí kinh doanh còn 6% do người lao động phải nộp được trừ vào thu nhập của người lao động: trích 4.5% BHYT trên lương cơ bản trong đó 3% tính vào chi phí kinh doanh và 1.5% trừ vào thu nhập của người lao động, Trích 2% BHTN trên lương cơ bản trong đó 1% tính vào chi phí kinh doanh còn 1% người lao động phải nộp trừ vào thu nhập của người lao động.. Riêng đối với bộ phận phụ vào bảo vệ là công nhân thuê ngoài nhưng không trực tiếp tham gia vào xây lắp, tiền công của bộ phận này được hạch toán vào TK 627(1) - Chi phí nhân viên phân xưởng.

Việc theo dõi thời gian lao động cho bộ phận nhân viên quản lý do thống kê đội ghi chép trên bảng chấm công hàng tháng. Cuối tháng kế toán tiền lương căn cứ vào bảng chấm công, cấp bậc lương và các chính sách về tiền lương để tính ra tiền lương tháng và lập bảng tổng hợp thanh toán lương cho bộ phận quản lý đội.

Căn cứ vào chứng từ sử dụng phiếu xuất kho, phiếu chi, phiếu kế toán.

Trình tự hạch toán:

Ngày 08/12 trích trước chi phí dịch vụ bảo vệ tháng 12/2010 số tiền 10.000.000

Nợ TK 627: 10.000.000

Có TK 335: 10.000.000

Ngày 10/12 chi phí xăng dầu phục vụ cho việc đi lại theo PC038 số tiền 1.425.000

Nợ TK 627 1.425.000

Có TK 138 :1.425.000

Ngày 10/12 chi phí thuê kho bãi phục vụ cho công trình An Phú số tiền 10.165.000

Nợ TK 627 : 10.165.000

Có TK 153 : 10.165.000

Ngày 25/01 chi phí tiếp khách, công tác phí số tiền 2.727.200

Nợ TK 627 : 2.727.200

Có TK 1111: 2.727.200

Ngày 29/12 chi thanh toán lương nhân viên quản lý công trình An Phú số tiền 20.500.000

Nợ TK 627 : 20.500.000

Có TK 334: 20.500.000

Ngày 30/01 chi phí tiền điện sử dụng cho công trình An Phú số tiền 2.641.232

Nợ TK 627: 3.641.232

Có TK 1111:36.641.232

Ngày 30/01 khấu hao TSCĐ số tiền 19.100.000

Nợ TK 627: 19.100.000

Có TK 214: 19.100.000

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí sản xuất chung cho công trình An Phú.

Nợ TK 154:67.558.432

Có TK 627: 67.558.432

Đơn vị: **CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG KHOA.**

Địa chỉ: 49/5/8, Đường TCH 16, KP9, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM

SỔ CHI TIẾT

TK 627- chi phí sản xuất chung.

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
08/12		08/12	Trích trước chi phí dịch vụ bảo vệ T12/2010	335	10.000.000	
10/12	PC038	10/12	Chi phí xăng dầu phục vụ cho việc đi lại	138	1.425.000	
10/12	0028/DP	10/12	Chi phí thuê kho bãi	153	10.165.000	
25/12	PC039	25/12	Chi phí tiếp khách	1111	2.727.200	
29/12	PKT008	29/12	Lương nhân viên quản lý	334	20.500.000	
30/12	PKT009	30/12	Chi phí điện sử dụng	1111	3.641.232	
30/12		30/12	Khấu hao TSCĐ	214	19.100.000	
31/12	PKT010	31/12	KC CF SXKD DD	154		67.558.432
CỘNG					67.558.432	67.558.432

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Đơn vị: **CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG KHOA.**

Địa chỉ: 49/5/8, Đường TCH 16, KP9, P. Tân Chánh Hiệp, Q12, TPHCM

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

SỐ HIỆU: 627

Tên Tài Khoản: Chi phí sản xuất chung

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Dư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
08/12		08/12	Trích trước chi phí dịch vụ bảo vệ T12/2010	335	10.000.000	
10/12	PC038	10/12	Chi phí xăng dầu phục vụ cho việc đi lại	138	1.425.000	
10/12	0028/DP	10/12	Chi phí thuê kho bãi	153	10.165.000	
25/12	PC039	25/12	Chi phí tiếp khách	1111	2.727.200	
29/12	PKT008	29/12	Lương nhân viên quản lý	334	20.500.000	
30/12	PKT009	30/12	Chi phí điện sử dụng	1111	3.641.232	
30/12		30/12	Khấu hao TSCĐ	214	19.100.000	
31/12	PKT010	31/12	KC CF SXKD DD	154		67.558.432
CỘNG					67.558.432	67.558.432
SỐ DƯ CUỐI					X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

** Tổng hợp chi phí sản xuất của chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp:*

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của công ty TNHH MTV Phương Khoa là đơn đặt hàng (công trình, HMCT). Phương pháp này tập hợp chi phí sản xuất ở doanh nghiệp là tập hợp chi phí theo đơn đặt hàng.

Vì đối tượng như vậy nên các chi phí thực tế phát sinh trong tháng được theo dõi riêng cho từng đơn đặt hàng.

CPSX ở công ty TNHH MTV Phương Khoa bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung. Các chi phí này đều được hạch toán trên mỗi TK riêng tương ứng sau đó được kết chuyển vào bên Nợ TK 154.

Cụ thể vào cuối mỗi tháng, căn cứ vào số liệu dưới các đội công trình chuyển về, kế toán xí nghiệp tiến hành phân loại kiểm tra đối chiếu từng loại cho phí theo từng khoản mục chi phí theo từng công trình

Sau đó kế toán định khoản và ghi vào nhật ký chung, sổ cái và sổ chi tiết (được mở cho từng tháng) theo từng loại chi phí theo từng công trình. Trên cơ sở chi tiết này đã có bút toán kết chuyển chi phí phát sinh của từng tháng sang TK 154(1). Căn cứ vào các sổ chi tiết CPSX của từng công trình kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo từng yếu tố chi phí của từng công trình vào các sổ chi tiết của toàn doanh nghiệp được mở cho một năm số liệu trên sổ cái các TK.

Để tổng hợp chi phí cho toàn bộ công trình hoàn thành kế toán tập hợp số liệu các khoản mục chi phí từ sổ cái TK 621, TK 622, TK 623, TK 627. Sau đó kế toán lập tổng hợp chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất tập hợp được của công trình An Phú – P.Thới An – Q12

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tập hợp từ sổ chi tiết: 96.895.480
- Chi phí nhân công trực tiếp tập hợp từ sổ chi tiết là: 34.438.636
- Chi phí sử dụng máy thi công tập hợp từ sổ chi tiết là: 29.200.000
- Chi phí sản xuất chung tập hợp từ sổ chi tiết là: 67.558.432
- Tổng cộng chi phí thực tế phát sinh của công trình An Phú – P. Thới An – Q12 trên TK 154(1) là:

Nợ TK 154: 228.092.548

Có TK 621: 96.895.480

Có TK 622: 34.438.636

Có TK 623: 29.200.000

Có TK 627: 67.558.432

** Đánh giá sản phẩm dở dang ở công ty TNHH MTV Phương Khoa :*

Do doanh nghiệp đã thực hiện khoán cho các đội xây dựng, hơn nữa sản phẩm xây lắp đã được quy định chỉ bàn giao thanh toán sau khi đã hoàn thành toàn bộ thì công trình hoặc hạng mục công trình chưa bàn giao thanh toán được coi là sản phẩm xây lắp dở dang, toàn bộ chi phí sản xuất đã phát sinh thuộc công trình đó đều là chi phí của sản phẩm dở dang. Khi công trình hoặc hạng

mục công trình được bàn giao thanh toán thì toàn bộ chi phí sản xuất đã phát sinh sẽ được tính vào giá thành công trình, hạng mục công trình.

3.4. Tính giá thành công trình ở công ty TNHH MTV Phương Khoa.

Xuất phát từ đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp thuộc loại hình sản xuất đơn chiếc, quy trình sản xuất phức tạp, thời gian thi công kéo dài. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là theo từng đơn đặt hàng. Do vậy đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là công trình hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành được bàn giao thanh toán nên kỳ tính giá thường không nhất trí với kỳ báo cáo.

Toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh đã tập hợp được theo từng khoản mục chi phí của công trình An Phú – P. Thới An – Q12 trên TK154(1) là: 228.092.548. Đây chính là giá thành thực tế của công trình An Phú – P. Thới An – Q12. Đã được chủ đầu tư bàn giao thanh toán và đưa vào sử dụng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính vào giá bán.

Nợ TK 632: 228.092.548

Có TK 154: 228.092.548

Căn cứ vào hồ sơ thanh toán với chủ đầu tư xác định thuế GTGT phải nộp

Nợ TK 131: 277.200.000

Có TK 511: 252.000.000

Có TK 3331: 25.200.000

Xác định kết quả sản xuất kinh doanh:

Nợ TK 511: 252.000.000

Có TK 911: 252.000.000

Xác định lợi nhuận công trình:

Nợ TK 911: 252.000.000

Có TK 632: 228.092.548

Có TK 421: 23.907.452.

CHƯƠNG IV

MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH PHẨM XÂY LẮP Ở CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG KHOA

I. Những khó khăn thuận lợi về khả năng và xu hướng phát triển công ty TNHH MTV Phương Khoa

XDCB là một ngành sản xuất vật chất độc lập có chức năng tái sản xuất TSCĐ cho tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân. Hơn nữa ta thấy không một ngành nào có thể tồn tại và phát triển một cách bình thường nếu không có xây dựng cơ bản tạo ra cơ sở vật chất cho nó hoạt động.

XDCB đã tạo ra một sự cân đối nhịp nhàng giữa các ngành nhằm đẩy mạnh tốc độ tăng năng suất lao động xã hội, góp phần tăng tiềm lực kinh tế và quốc phòng của đất nước. Vì vậy vốn đầu tư được tài trợ từ nước ngoài được sử dụng trong lĩnh vực XDCB.

So với các ngành sản xuất khác, XDCB có những đặc điểm kỹ thuật được thể hiện thông qua sản phẩm xây lắp và quá trình sáng tạo ra sản phẩm của ngành.

Sản phẩm của xây dựng là những công trình sản xuất, chi phí sản xuất có đủ điều kiện đưa vào vận hành nhằm sinh lợi cho nền kinh tế quốc dân và cho đời sống xã hội. Mỗi công trình được xây dựng tại một địa điểm riêng biệt không vận chuyển đi nơi khác được. Nơi xây dựng công trình đồng thời là nơi sau này công trình phát huy tác dụng. Sản phẩm xây dựng được phân bố tại nhiều vùng của lãnh thổ cả được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau.

Đặc điểm của sản phẩm xây dựng là có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài, giá trị rất lớn và mang tính cố định. Sản phẩm xây dựng mang tính tổng hợp về nhiều mặt: kinh tế, chính trị, kỹ thuật, mỹ thuật... Tuy rất đa dạng nhưng nó lại mang tính đơn chiếc mỗi công trình được xây dựng theo một thiết kế kỹ thuật riêng, có giá trị dự toán riêng và tại một thời điểm nhất định. Đây là một trong những đặc điểm đã tác động tới quá trình sản xuất của ngành xây dựng.

Quá trình từ khi khởi công xây dựng cho tới khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường là dài, nó phụ thuộc vào quy mô và tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình này được chia thành nhiều giai đoạn: chuẩn bị điều kiện thi công, thi công móng, thi công tường, trần...

Mỗi giai đoạn thi công lại bao gồm rất nhiều công việc khác nhau. Quá trình thi công chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các yếu tố thiên nhiên như mưa, nắng, bão, lũ, lụt... Hơn nữa điều kiện thi công không có tính ổn định, nó luôn biến động theo đặc điểm xây dựng và theo từng giai đoạn thi công công trình.

Hiện nay, đất nước ta đang trong thời gian xây dựng, đổi mới đất nước, nhiều công trình lớn được khởi công nên các doanh nghiệp xây dựng phải cạnh tranh quyết liệt với các nhà đầu tư nước ngoài để thầu các công trình của nhà nước.

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây dựng cơ bản như vậy nên việc quản lý về đầu tư và xây dựng là một quá trình khó khăn phức tạp nhất là khi chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.

Để quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư nhà nước đã ban hành những quy chế phù hợp. Và muốn thực hiện được thì cần phải nắm được yêu cầu quản lý đầu tư và xây dựng, đó là:

- Công tác quản lý đầu tư và xây dựng phải đảm bảo tạo những sản phẩm và dịch vụ được xã hội và thị trường chấp nhận về giá cả, chất lượng và đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của CB CNV.

- Phát huy vận dụng có hiệu quả nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác các tiềm năng sẵn có.

- Áp dụng các công nghệ xây dựng tiên tiến, xây lắp đúng tiến độ, đạt chất lượng cao với chi phí hợp lý và thực hiện bảo hành công trình ...

Để đảm bảo thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế kỹ thuật, đảm bảo chất lượng các công trình với chi phí hợp lý thì bản thân các đội xây dựng phải có các biện pháp tổ chức quản lý sản xuất, quản lý chi phí sản xuất một cách chặt chẽ hợp lý và có hiệu quả.

Hiện nay, trong lĩnh vực XD CB chủ yếu áp dụng phương pháp đấu thầu, giao nhận thầu xây dựng, Vì vậy để trúng thầu được nhận thầu thì công một công trình thì xí nghiệp phải xây dựng giá đấu thầu hợp lý cho công trình đó dựa trên cơ sở các định mức, đơn giá XD CB do nhà nước ban hành, trên cơ sở giá cả thị trường và khả năng của bản thân doanh nghiệp: "*Để đạt được việc nhận thầu đã khó nhưng cái khó hơn là phải làm sao đảm bảo cho sản xuất kinh doanh có lãi*"

Muốn đạt được yêu cầu trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý kinh tế và trước hết là công tác quản lý chi phí, giá thành mà trong đó trọng tâm là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Hơn nữa khi được nhận thầu một công trình xây dựng thì rõ ràng là giá bán (giá nhận thầu) đã có ngay trước khi thi công công trình. Như vậy giá bán có trước khi xác định được giá thực tế của công trình đó quyết định tới lãi lỗ của doanh nghiệp.

Nhiệm vụ đặt ra cho bộ phận kế toán là: Xác định hợp lý đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp hạch toán tính giá thành phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, thoả mãn yêu cầu quản lý đặt ra:

Cụ thể là:

- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí vật liệu, nhân công, sử dụng máy thi công, ... và các dự toán chi phí khác. Phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức dự toán, các khoản chi phí ngoài kế hoạch, các khoản thiệt hại mất mát, hư hỏng ... trong sản xuất để đề xuất những biện pháp ngăn chặn kịp thời.

- Tính toán kịp thời giá thành công tác xây lắp, các khoản thiệt hại mất mát, hư hỏng ... trong sản xuất, các sản phẩm và lao vụ hoàn thành của xí nghiệp.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hạ giá thành của xí nghiệp theo từng công trình, HMCT, từng loại sản phẩm, lao vụ... Vạch ra khả năng và các biện pháp hạ giá thành một cách hợp lý, hiệu quả.

- Xác định đúng đắn và bàn giao thanh toán kịp thời khối lượng công tác xây lắp hoàn thành. Định kỳ kiểm kê và đánh giá khối lượng thi công dở dang theo nguyên tắc quy định.

- Đánh giá đúng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở từng công trình, từng hạng mục công trình, từng bộ phận thi công, đội, tổ sản xuất ... trong từng thời kỳ nhất định. Kịp thời lập các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành công tác xây lắp. Cung cấp chính xác, kịp thời các thông tin hữu dụng về chi phí sản xuất và giá thành phục vụ cho yêu cầu quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp.

II. Nhận xét chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty TNHH MTV Phương Khoa:

Với sự cố gắng phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty, công ty đã đạt được những thành tích đáng kể trong sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế và hạch toán kế toán. Quá trình tìm hiểu thực tế công tác quản lý, công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng ở doanh nghiệp. Em nhận thấy doanh nghiệp đã xây dựng được mô hình quản lý và hạch toán khoa học và hợp lý phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp và đòi hỏi của nền kinh tế thị trường, chủ động trong hoạt động xây dựng cơ bản, đảm bảo đứng vững trong cạnh tranh và phát triển trong điều kiện kinh tế của nước ta hiện nay.

Với bộ máy quản lý, chỉ đạo sản xuất, gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng yêu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh trong quá trình thi công. Doanh nghiệp đã đảm bảo quản lý và hạch toán các yếu tố chi phí sản xuất một cách hợp lý và có hiệu quả.

Với phương thức khoán gọn cho các đội xây dựng thực hiện thi công công trình và tự hạch toán kết quả kinh doanh. Sau khi nộp cho doanh nghiệp 6%

doanh thu đã tạo ra sự cố gắng của bản thân các đội ngũ xây dựng chống lãng phí về các khoản chi phí. Với đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ về công tác kế toán. Doanh nghiệp xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép và phương pháp hạch toán quy định, đồng thời đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin hữu ích phục vụ cho công tác quản lý của công ty và các đối tượng liên quan khác.

Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong từng tháng và tổ chức tính giá thành khi công trình hoàn thành được bàn giao và thanh toán nên đã đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp được chính xác.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ chính xác kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Chấp hành nghiêm chế độ kế toán thống kê, điều lệ tổ chức kế toán, chính sách thể lệ và văn bản pháp quy hiện hành của nhà nước, hướng dẫn công tác hạch toán kế toán của đơn vị.

- Kiện toàn sắp xếp bộ máy kế toán có đầy đủ phẩm chất năng lực sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Tích cực đôn đốc thanh quyết toán nội bộ, thanh quyết toán A – B thu hồi chứng từ, thu hồi vốn, đảm bảo vòng quay vốn nhanh lãi tiền vay thấp.

- Đảm bảo vốn thi công kịp thời, đáp ứng được yêu cầu tiến độ thi công theo kế hoạch đã đề ra.

- Phối kết hợp tốt với ban kế hoạch kỹ thuật triển khai đôn đốc làm hồ sơ thanh quyết toán, thanh toán với chủ đầu tư.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm không thể phủ nhận đó, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở xí nghiệp cũng không tránh khỏi những khó khăn, tồn tại cần được khắc phục.

- Chi phí nguyên vật liệu nhập xuất tại kho công trình ở xa đơn vị nên tập hợp chi phí còn chậm, chưa được thường xuyên, phản ánh kịp thời về doanh nghiệp.

- Quá trình kiểm kê định kỳ về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ còn thiếu ảnh hưởng đến giá trị thực của chi phí dở dang.

- Công tác quản lý tài chính chưa sâu sát nên kết quả sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả còn có công trình thi công bị thua lỗ.

- Thanh quyết toán nội bộ các công trình hoàn thành còn chậm thời gian báo cáo kéo dài không đảm bảo được kế hoạch đã đề ra.

- Chưa kiên quyết triệt để đôn đốc thu hồi công nợ cá nhân năm 2007.

Ý kiến đóng góp:

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị năm 2010 doanh nghiệp nên:

- Chi phí nguyên vật liệu nên được tập hợp thường xuyên và kịp thời.
- Quá trình kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nên được kiểm kê thường xuyên không ảnh hưởng đến giá trị thực của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần cùng tồn tại hợp tác và cạnh tranh, vấn đề kết quả sản xuất kinh doanh luôn được các nhà doanh nghiệp quan tâm hàng đầu. Điều đó bắt buộc các nhà doanh nghiệp phải hạch toán chi phí, tính đúng, tính đủ giá thành và tìm mọi biện pháp nhằm hạ tối đa giá thành nghĩa là làm thế nào để chi phí cá biệt của mình phải nhỏ hơn chi phí chung của xã hội, Có như vậy sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp mới được người tiêu dùng chấp nhận và có chỗ đứng trên thị trường.

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu công tác trung tâm có vai trò quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Đặc biệt là trong các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng cơ bản do có các đặc thù là các công trình có kết cấu phức tạp, thời gian thi công kéo dài, nơi sản xuất cũng chính là nơi tiêu thụ nên công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hiện nay vẫn còn một số tồn tại. Vì vậy "hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp XDCB" là một vấn đề cần được quan tâm trong cả lĩnh vực nghiên cứu lý luận lẫn trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh. Cho nên các doanh nghiệp phải biết vận dụng một cách sáng tạo từ lý luận vào trong thực tế như câu nói của Gớt: " Lý luận chỉ là một màu nâu xám còn thực tiễn như một cây đời mãi mãi xanh tươi".

Chuyên đề cuối khoá tốt nghiệp với nội dung đề tài - " Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH MTV Phương Khoa " là một đóng góp nhỏ vào quá trình giải quyết vấn đề nêu trên.

Với thời gian không nhiều, kiến thức có hạn chế nên nội dung của báo cáo tốt nghiệp không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong thầy cô giáo thông cảm.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, hướng dẫn chỉ bảo tận tình của thầy giáo Nguyễn Tiến sỹ, các cô chú trong công ty TNHH MTV Phương Khoa đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề thực tập này.

Đồng Nai, tháng 12 năm 2010.

Sinh viên

Trần Thị Yến

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN:	Trang 2
LỜI MỞ ĐẦU:	Trang 3.
<u>CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG KHOA</u>	Trang 7
I. ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG KHOA	Trang 7
1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	Trang 7
1.2. Tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý kinh doanh trong.....	Trang 8-10.
1.3. Tổ chức công tác kế toán ở công ty TNHH MTV PK.....	Trang 10-11
1.4. Hình thức kế toán Doanh nghiệp áp dụng.....	Trang 12-13
<u>CHƯƠNG II: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP</u>	Trang 14
I.SỰ CẦN THIẾT PHẢI TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	Trang 14
1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản trong sản phẩm	Trang 14
1.2. Sự cần thiết của công tác kế toán và tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	Trang 15
1.3. Vai trò của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đối với công tác quản lý	Trang 16.
1.4. Nhiệm vụ của công tác tập hợp chi phí sản xuất.....	Trang 16-17
II.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TRONG	Trang 17
2.1Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất.....	Trang 17
2.1.1.Chi phí sản xuất.....	Trang 17-19
2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	Trang19.
2.2. Giá thành và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp.....	Trang 19

2.2.1. Giá thành sản phẩm xây lắp.....	Trang 19
2.2.2. Bản chất chức năng của giá thành sản phẩm xây lắp.....	Trang 20
2.2.3. Các loại giá thành sản phẩm xây lắp.....	Trang 20-22.
2.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất	
2.3.1. Nguyên tắc hạch toán sản phẩm và giá thành.....	Trang 22
2.3.2. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	Trang 22-23
2.3.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	Trang 23.
2.3.4. Hệ thống chứng từ tài khoản sử dụng.....	Trang 24
2.3.5. Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo	Trang 24-32
2.3.6. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp	Trang 33
2.3.7. Các phương pháp tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp.....	Trang 34-36
II. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP.....	Trang 37
1.5. Hình thức nhật ký chung.....	Trang 37
1.6. Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái.....	Trang 38-39
1.7. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	Trang 40
1.8. Hình thức sổ kế toán nhật ký chứng từ.....	Trang 41
1.9. Hình thức kế toán trên máy hoàn thành.....	Trang 42
<u>CHƯƠNG III: TÌNH HÌNH THỰC TẾ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP Ở CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG KHOA.....</u>	Trang 43
3.1. Đặc điểm chi phí phân loại chi phí tại công ty.....	Trang 43
3.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.....	Trang 44
3.3. Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	Trang 44-68
3.4. Tính giá thành công trình ở công ty TNHH MTV PK.....	Trang 69.

<u>CHƯƠNG IV</u>: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP	
HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM Ở	
CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG KHOA.....	Trang 70
I. Những khó khăn và xu hướng phát triển của công ty.....	Trang 70-72
II. Nhận xét chung về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.....	Trang 72-74
• <u>KẾT LUẬN</u>	Trang 75